

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2 · 0 · 2 · 0

BM
PLASCO
NHỰA BÌNH MINH®

KHAI THÁC THỂ MẠNH
LINH HOẠT ỨNG PHÓ

Vượt

LÊN THÁCH THỨC





01

TẦM NHÌN

02

SỨ MỆNH

03

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU CỦA NGÀNH NHỰA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM. CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC, SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ.

CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA THỊ TRƯỜNG. BẢO ĐẢM HÀI HÒA CÁC LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG, CỔ ĐÔNG VÀ XÃ HỘI.

ĐỒNG THUẬN CAO -
TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ -
VỮNG VÀNG HIỆN TẠI -
TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI.



THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HĐQT

Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác
và Người lao động thân mến,

Năm 2020, CTCP Nhựa Bình Minh (BMP) đã tiếp tục phá kỷ lục cả về sản lượng tiêu thụ và doanh thu. Ngành công nghiệp đã phải đối mặt với một số thách thức từ đại dịch COVID-19 có ảnh hưởng đến nền kinh tế trong gần cả năm. Tuy nhiên, GDP của Việt Nam vẫn tăng nhẹ khoảng 3% (trong lĩnh vực xây dựng là 6%). Mặc dù chịu áp lực từ suy giảm kinh tế, từ sự cạnh tranh gay gắt của các công ty cùng ngành hiện hữu cũng như mới thành lập, từ trạng thái dư thừa công suất và những bất ổn của thị trường, BMP vẫn đang duy trì vị thế dẫn đầu tại Việt Nam và mở rộng thị trường sang các khu vực khác của ASEAN bằng các mối quan hệ với những đối tác chiến lược của Công ty.



“BMP SẼ KHÔNG
NGỪNG HOÀN THIỆN
VÀ GIỮ KHẢ NĂNG
CẠNH TRANH CAO ĐỂ
MANG LẠI HIỆU QUẢ
VƯỢT TRỘI”





Bên cạnh thành tích xuất sắc trong bối cảnh dịch bệnh khó khăn, năm tài chính 2020 của Công ty còn được đánh dấu bằng những thành tựu quan trọng đã đạt được như giải thưởng “Thương hiệu vàng Thành phố Hồ Chí Minh 2020” do Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng; danh hiệu “50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2020” cũng như danh hiệu “50 Thương hiệu Việt Nam dẫn đầu 2020” của Forbes Việt Nam; và danh hiệu “50 Công ty hoạt động tốt nhất Việt Nam” của Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư. Với cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng, BMP đã và đang cố gắng duy trì hoạt động kinh doanh theo các tiêu chí không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao tiêu chuẩn an toàn, triển khai các hệ thống tự động hóa và liên tục cải tiến cũng như trau dồi tư duy đổi mới cho nhân viên. Chúng tôi gắn kết và thúc đẩy sự hợp tác giữa BMP với các liên minh kinh doanh hàng đầu để phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường. Những chiến lược cơ bản này sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Tại Việt Nam, năm 2021 sẽ là một năm nhiều thách thức nữa đối với tất cả các doanh nghiệp cùng với sự phục hồi sau đại dịch COVID-19. Việt Nam sẽ lấy lại đà tăng trưởng cao như trước đại dịch và đưa các hoạt động kinh doanh trở lại bình thường cho tất cả các lĩnh vực then chốt trong xã hội.

Chúng tôi lạc quan về khả năng phục hồi này và đã sẵn sàng phát triển tiếp dựa trên nền tảng và động lực kinh doanh mạnh mẽ đã được thiết lập khi bước vào một năm đổi mới kế tiếp của BMP. Với sự ủng hộ từ Quý Cổ đông, sự nỗ lực nhiệt huyết của Ban lãnh đạo, Ban điều hành và toàn thể Người lao động; cùng sự tiếp tục tin tưởng từ Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông, BMP sẽ không ngừng hoàn thiện và nâng cao khả năng cạnh tranh nhằm mang lại hiệu quả vượt trội, đổi mới sản phẩm/dịch vụ để phục vụ, và làm hài lòng khách hàng.

Trân trọng cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

SAKCHAI PATIPARNPREEHAVUD

MỤC LỤC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.	10
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	24
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	32
4. Định hướng phát triển.	36
5. Các rủi ro.	40

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.	44
2. Tổ chức và nhân sự.	46
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	54
4. Tình hình tài chính.	56
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	58
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.	60

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	84
2. Tình hình tài chính.	92
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	96
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.	97
5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán.	99
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.	100



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- | | |
|---|-----|
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty. | 108 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị. | 109 |
| 3. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. | 110 |
| 4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Điều hành. | 111 |
| 5. Định hướng của Hội đồng quản trị về tầm nhìn và chiến lược phát triển. | 112 |



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- | | |
|---|-----|
| 1. Hội đồng quản trị. | 116 |
| 2. Ban Kiểm soát. | 125 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát. | 132 |



VI. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)

- | | |
|--|-----|
| Báo cáo môi trường - xã hội - quản trị (ESG) | 138 |
|--|-----|



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| 1. Ý kiến kiểm toán. | 142 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. | 146 |

Danh mục từ viết tắt

CBCNV:	Cán bộ công nhân viên	TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn	TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp
NLB:	Người lao động	MTV:	Một thành viên	ERP:	Enterprise Resource Planning - Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp
ĐHDCĐ:	Đại hội đồng cổ đông	NBM:	Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc	ĐKDN:	Đăng ký doanh nghiệp
HĐQT:	Hội đồng quản trị	BMLA:	Bình Minh Long An	QTRR:	Quản trị rủi ro
BKS:	Ban Kiểm soát	DPC:	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
BTGD:	Ban Tổng Giám đốc	SCIC:	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	KSNB:	Kiểm soát nội bộ
HĐTV:	Hội đồng thành viên	BMV:	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	NTP:	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
BMP:	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	TP.HCM:	Thành phố Hồ Chí Minh		



THÔNG TIN CHUNG



1. Thông tin khái quát.	10
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	24
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	32
4. Định hướng phát triển.	36
5. Các rủi ro.	40



Tên công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA BÌNH MINH**

Tên tiếng Anh:

**BINH MINH PLASTICS
JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch:

BM PLASCO



NHỰA BÌNH MINH®

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
số: 0301464823

Vốn điều lệ:

818.609.380.000 đồng

Địa chỉ:

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6,
TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 39 690 973

Fax: (84-28) 39 606 814

Website: www.binhminhplastic.com.vn

Mã cổ phiếu : BMP



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1977 - 1986: ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT

Trong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy phải sản xuất cầm chừng từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp nhựa PVC-U có đường kính 220 mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông, ...



1977

- Ngày 16/11, Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiều Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.



1986

- Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa PVC-U cho dự án “Chương trình nước sạch nông thôn”, đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.



1987 - 1996: ĐẦU TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế. Song song đó, Công ty đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000 m² tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu.



1990

- Đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.



1994

- Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)

1997 - 2006: ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN

Với chủ trương “Đổi mới để phát triển”, Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điều này tạo tiền đề cho việc sản xuất các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn nhất Việt Nam hiện nay như ống PVC-U 630 mm, ống HDPE 1.200 mm bên cạnh ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mang đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.

1999

2000

- Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m² tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.
- Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.





- Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.
- Hoàn tất đầu tư kho bãi mở, rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000 m².



- Ngày 02/01, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Bình Minh Plastic Joint-Stock Company, viết tắt là BMPLASCO.
- Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m².

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ² (tt)

2007 ĐẾN NAY: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng, ở giai đoạn này, Công ty chú trọng phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

2006

2007

- Ngày 11/7, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.
- Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia chinh phục thị trường phía Bắc.

BIỂU ĐỒ GIÁ CỔ PHIẾU BMP

Đơn vị: 1.000 VNĐ

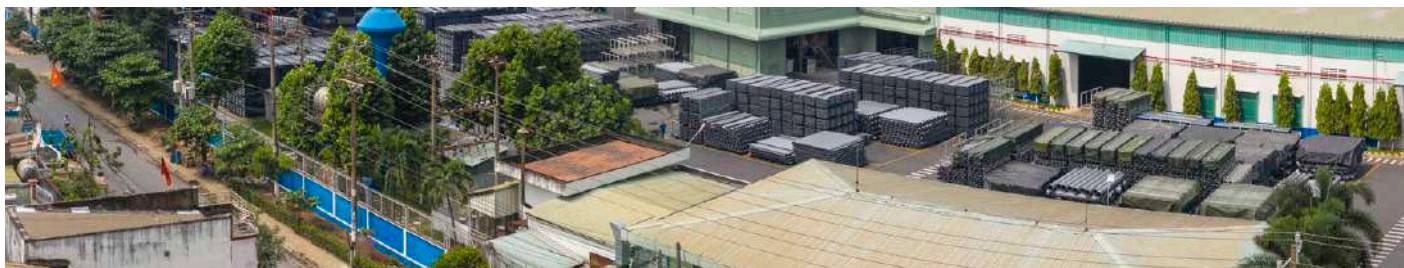




- Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao nguyên.
- Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.
- Sản xuất ống PVC-U đường kính đến 630 mm.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)



2010

2011

- Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200 mm lớn nhất tại Việt Nam.
- Ký hợp đồng thuê hơn 155.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An cho dự án xây dựng Nhà máy Bình Minh Long An.
- Tham gia góp 26% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt nhằm chuyển đổi công năng khu đất tại trụ sở chính Công ty khi có chủ trương di dời của Nhà nước.

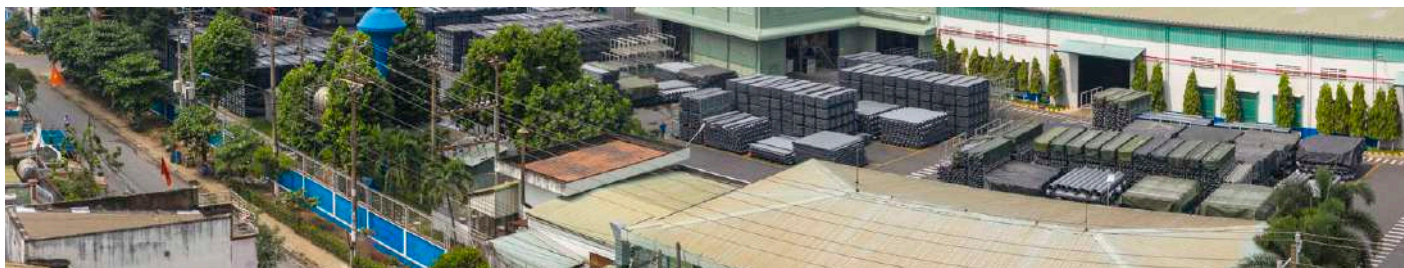




- Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
- Triển khai dự án công nghệ thông tin “Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) – Oracle E-Business Suite”.
- Chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.
- Tăng vốn điều lệ lên **454.784.800.000 đồng.**



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)



2015

- Ngày 18/11, khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An.
- Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và công ty con.



2016

- Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Bình Minh Long An.
- Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống.
- Đạt Thương hiệu Quốc gia lần thứ 5 liên tiếp từ 2008 đến 2018.
- Đạt Thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 20 liên tiếp từ 1997 đến 2016.



2017

- Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất (lần thứ 2).
- Khánh thành giai đoạn hai BMLA.
- Áp dụng thành công hệ phụ gia không kim loại nặng trong sản xuất ống và phụ tùng ống PVC-U.
- Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R.
- Nghiệm thu Hệ thống quản trị ERP.
- Tham gia Giải thưởng chất lượng Việt Nam.
- Chuyển đổi thành công phiên bản Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO



9000-2015 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14000-2015.

- Tăng vốn điều lệ lên **818.609.380.000 đồng**
- Đạt Giải Vàng Chất lượng Việt Nam.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)



2018

2019

- Trở thành Công ty thành viên thuộc Tập đoàn SCG Thailand - một tập đoàn công nghiệp hàng đầu Đông Nam Á. Tiếp cận một tập đoàn lớn với nhiều kinh nghiệm và công nghệ quản trị hiện đại, Nhựa Bình Minh có điều kiện rất thuận lợi để trao đổi, hợp tác, nâng cao năng lực và hiệu quả trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.
- Đạt Giải thưởng Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương.
- Tiến hành triển khai tái cấu trúc tổ chức Công ty và tái cấu trúc hệ thống phân phối theo hướng năng động và phù hợp hơn trong môi trường cạnh tranh.
- Được vinh danh là doanh nghiệp có môi trường Làm Việc Tốt Nhất Châu Á 2019” do tạp chí HR Asia công bố.





2020

Trong năm 2020, Công ty đã đạt được những thành tựu quan trọng:

- Danh hiệu “50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2020” cũng như danh hiệu “50 Thương hiệu Việt Nam dẫn đầu 2020” của Forbes Việt Nam.
- Danh hiệu “50 Công ty hoạt động tốt nhất Việt Nam” của Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư.
- Danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh 2020”.
- Giải thưởng “Thương hiệu vàng Thành phố Hồ Chí Minh 2020”, Chứng nhận “Sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh 2020”, và Danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh 2020” do Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.
- Triển khai thành công mô hình Quản lý Chuỗi Cung ứng (SCM) để tối ưu hóa nguồn lực khai thác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.





2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tt)

NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH SÀI GÒN



quần đảo Hoàng Sa

B I E N Đ Ô N G

quần đảo Trường Sa



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh nội địa trên cả nước.

Nhựa Bình Minh chiếm khoảng 43% thị phần ống nhựa và phụ tùng tại khu vực miền Nam, khoảng 5% thị phần ống nhựa và phụ tùng tại khu vực miền Bắc, và chiếm khoảng 28% thị phần ống nhựa trong cả nước (theo nguồn SCG Research)

Thông qua mạng lưới phân phối của SCG, một số sản phẩm của Nhựa Bình Minh đã bước đầu thâm nhập vững chắc vào các nước Đông Nam Á.

Các nhà máy sản xuất

Hiện nay, Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với tổng công suất 150.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa chủng loại và kích thước sản phẩm.

Hệ thống phân phối sản phẩm

Sau hơn 44 năm hình thành và phát triển, hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến cuối năm 2020, Công ty có gần 1.900 cửa hàng rộng khắp trên cả nước đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng...



**CÔNG TY TNHH MTV
NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC**



**NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH
BÌNH DƯƠNG**



**NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH
LONG AN**

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tt)

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Nhóm ống và phụ tùng ống PVC-U

Ống và phụ tùng nối ống PVC-U cứng đường kính từ 20mm đến 630mm, dùng cho ngành nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452-2: 2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 16:2019/BXD bao gồm:

- Ống và phụ tùng ống nhựa PVC -U hệ inch và hệ mét được sản xuất từ hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo.
- Ống PVC-U hệ CIOD có đường kính ngoài tương thích với ống và phụ tùng ống gang chịu áp.

Các loại ống này thích hợp dùng trong những hệ thống dẫn nước như:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa...

Ống và phụ tùng PVC-U được dùng để bảo vệ tuyến cáp ngầm trong các hệ thống như: Hệ thống cáp ngầm bu điện (cáp sợi quang, cáp đồng,...), Hệ thống cáp ngầm điện lực (cáp điện,...).



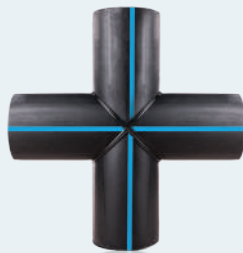
Nhóm ống và phụ tùng ống HDPE

Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16mm đến 1.200mm được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao PE100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa...

Ống và phụ tùng ống gân thành đôi HDPE đường kính từ 110mm đến 500mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao (HDPE), thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống thoát nước cho xa lộ.
- Hệ thống ống thoát nước cho sân golf.
- Hệ thống ống thoát nước dân dụng.
- Hệ thống ống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp.
- Hệ thống ống lọc và lấy nước thải.
- Hệ thống ống bảo vệ cáp ngầm.



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tt)

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Nhóm ống và phụ tùng ống PP-R

Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20mm đến 160mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Copolymer, PP-R80, theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09 và tiêu chuẩn TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013 được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD thích hợp cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống dẫn nước nóng đến 95°C và nước lạnh dùng trong sinh hoạt và trong công nghiệp.
- Hệ thống vận chuyển dung dịch thực phẩm ở nhiệt độ cao và thấp.
- Hệ thống dẫn sưởi ấm sàn nhà.



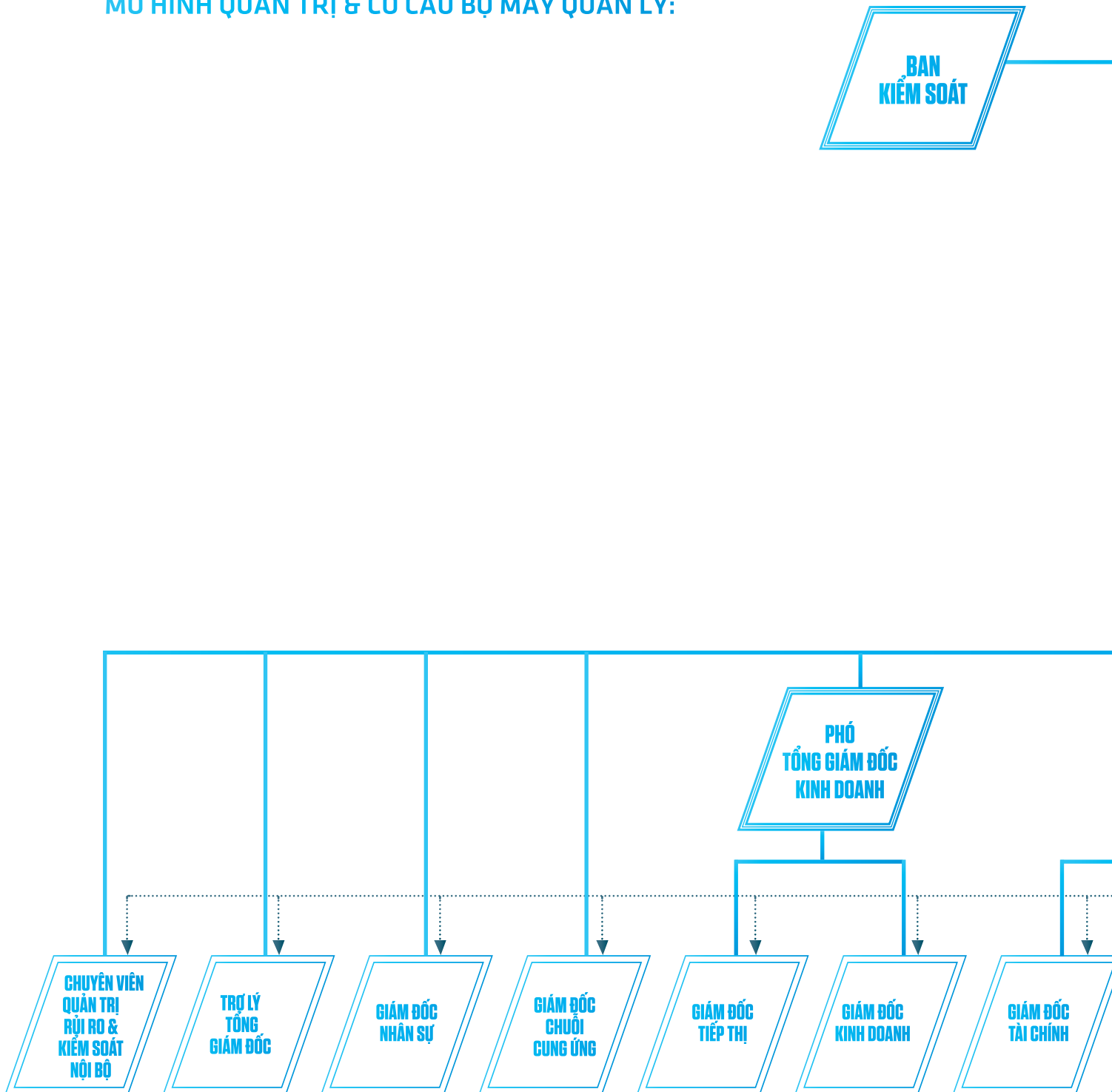
Nhóm các sản phẩm khác

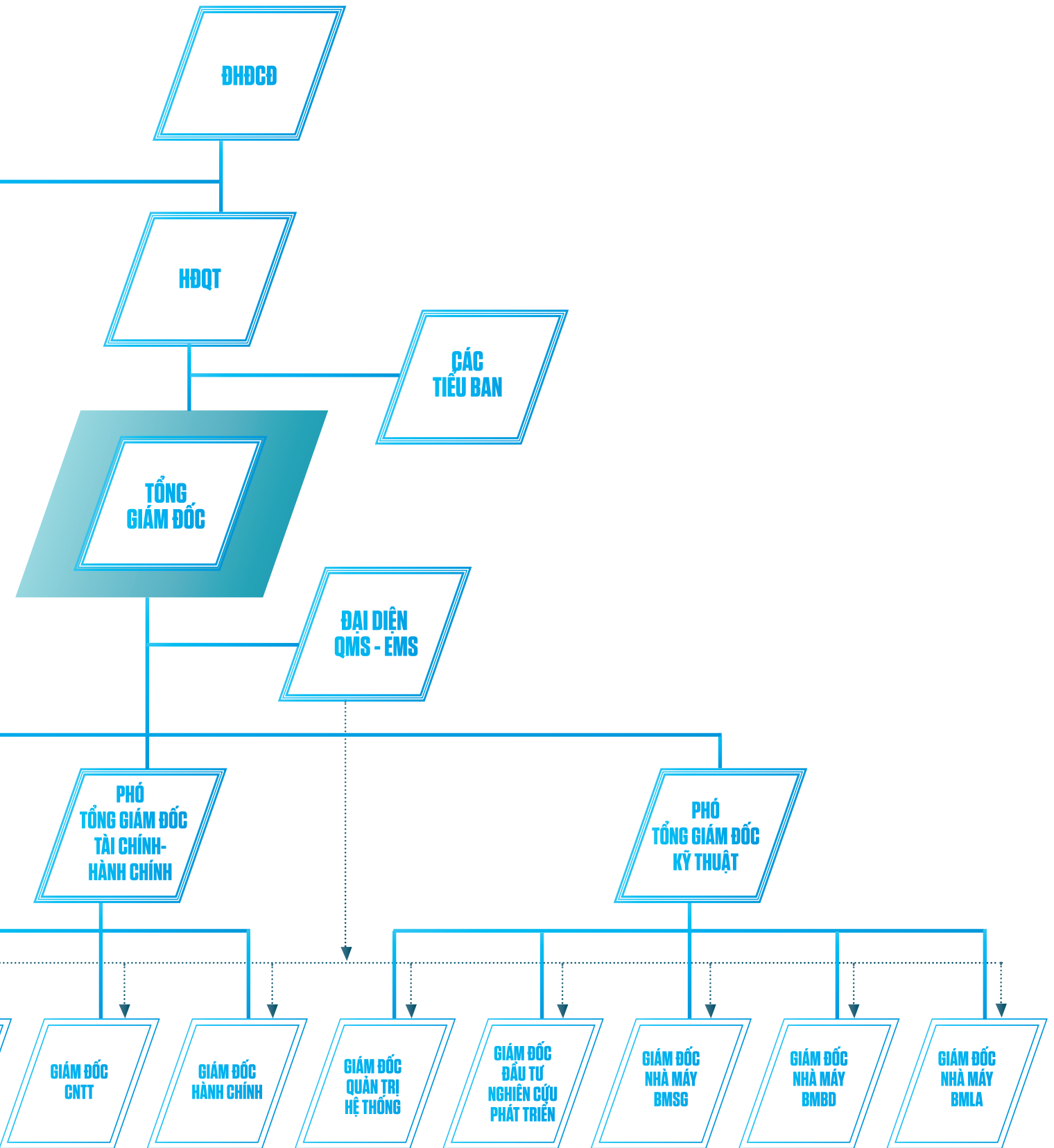
Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu. Với Bình xịt 10 lít, sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-182:2015/BNNPTNT, phù hợp cho sử dụng phun thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ:





3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT



Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC (NBM) CÔNG TY CON

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006, tọa lạc tại đường D1 khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. NBM chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa PVC-U, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. Công ty được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m², năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.

VỐN ĐIỀU LỆ

155 TỶ VNĐ

NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU

100%

VỐN ĐIỀU LỆ

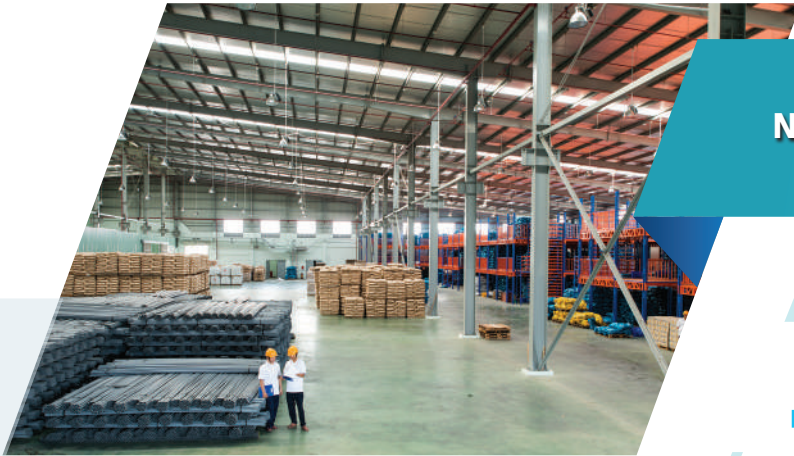
210 TỶ VNĐ

NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU

26%



Số 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM



371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÀ NẴNG (DPC) CÔNG TY LIÊN KẾT

VỐN ĐIỀU LỆ

22,4 TỶ VNĐ

NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU

29%

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa PVC-U, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên kết phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Cao nguyên.

Hiện nay DPC là tổng kho của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Cao nguyên.

Trong năm 2019, DPC đã khởi công xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, Đà Nẵng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nặng nề và kéo dài tại Đà Nẵng nên tiến độ xây dựng nhà máy đang bị chậm lại.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN BÌNH MINH VIỆT CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 12/2016, Bình Minh Việt đã tăng vốn đầu tư là 210.000.000.000 đồng. Trong đó, BMP đã góp 53.040.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 26%. Hiện Công ty đang được tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN - CHIẾN LƯỢC TỪ 2021-2025:

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỪ 2021-2025:

- ▶ Trở thành Công ty dẫn đầu thị phần sản lượng tiêu thụ tại Việt Nam và nằm trong TOP 3 Công ty dẫn đầu về thị phần tại Đông Nam Á.
- ▶ Thành công trong vận hành hoàn hảo toàn bộ chuỗi cung ứng thông qua ứng dụng mô hình quản lý 5S, sản xuất tinh gọn tiết kiệm, ứng dụng tự động hóa với công nghệ hiện đại.
- ▶ Duy trì vị trí TOP 50 Công ty có nơi làm việc hạnh phúc nhất Việt Nam

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025:

- ▶ Sản lượng tiêu thụ: 137.000 tấn.
- ▶ Thị phần: Chiếm 30% thị phần tiêu thụ tại Việt Nam.
- ▶ Triển khai mô hình quản lý 5S cho tất cả nhân viên và bộ phận ở mức độ 100%.
- ▶ Triển khai 3 hệ thống tự động hóa tại các nhà máy.
- ▶ Triển khai hệ thống quản trị năng lực nhân viên để áp dụng các chương trình đào tạo, huấn luyện nâng cao năng lực và phát triển sự nghiệp cho 100% nhân viên.
- ▶ Triển khai khảo sát định kỳ sự hài lòng của nhân viên trong môi trường làm việc của BMP: Đạt 95% mức độ hài lòng.





4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN - CHIẾN LƯỢC TỪ 2021-2025: (tt)

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN KẾ HOẠCH NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY:

ĐỐI VỚI SẢN XUẤT KINH DOANH

- ▶ Tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và xử lý nước thải.
- ▶ Cải tiến quy trình sản xuất, lắp đặt các thiết bị hiện đại nhằm tăng năng suất, tiết kiệm nguyên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- ▶ Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong kinh doanh.
- ▶ Chống hàng giả, hàng nhái.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- ▶ Áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn mới nhất.
- ▶ Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các yêu cầu khác về môi trường.
- ▶ Xây dựng hệ thống quan trắc và quản lý môi trường, giám sát đánh giá tác động đến môi trường.
- ▶ Xác định và đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường để từ đó có các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, đồng thời áp dụng phân loại rác thải tại nguồn.
- ▶ Xây dựng đội ngũ và quy trình sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.



ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ▶ Đánh giá môi trường làm việc hàng năm để có các biện pháp cải tiến kịp thời.
- ▶ Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc sức khỏe, đời sống cho người lao động.
- ▶ Cử người lao động tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao chuyên môn đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty.
- ▶ Nâng cao nhận thức của người lao động đối với việc tiết giảm năng lượng và gìn giữ môi trường.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

- ▶ Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện, có trách nhiệm với môi trường.
- ▶ Duy trì các hoạt động từ thiện thường xuyên như hiến máu nhân đạo, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, bố mẹ liệt sĩ, thương binh nặng, ủng hộ ngày lương cho quỹ hỗ trợ khó khăn...
- ▶ Nâng cao ý thức của người lao động đối với các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

5. CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TY:

RỦI RO TỪ MÔI TRƯỜNG, HỆ THỐNG QUẢN LÝ NỘI BỘ CÔNG TY



Hệ thống quản lý của công ty được duy trì phù hợp với ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Bên cạnh đó, công ty đã triển khai thêm các phần mềm quản lý tiên tiến như: ERP; CRM ; HRM,... và được tích hợp dần vào hệ thống quản lý đang có. Tuy nhiên, các hoạt động tích hợp này có thể gây xáo trộn ảnh hưởng đến kết quả vận hành nếu như các hệ thống mới chưa phù hợp với hệ thống đang hiện có (hoặc hệ thống đang hiện có chưa cải tiến phù hợp với các hệ thống mới).

RỦI RO TỪ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH



Rủi ro do dịch bệnh:

Đại dịch Covid-19 hoành hành và thực hiện giãn cách xã hội làm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị bị đình trệ, các dự án công trình bị dừng hoạt động, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch kinh doanh của công ty.

Rủi ro giá nguyên liệu biến động:

Giá nguyên liệu năm 2020 làm biến động chênh lệch giá cao thấp lên đến 2 lần. Việc này đã ảnh hưởng lớn đến giá bán và chi phí bán hàng, tác động đến việc mở rộng thị phần công ty.



RỦI RO TỪ CÁC YẾU TỐ TÀI CHÍNH



Rủi ro tỷ giá:

Nguồn nguyên liệu chính được mua chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước nên Bình Minh không bị ảnh hưởng trực tiếp. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải chịu rủi ro biến động tỷ giá do hoạt động nhập khẩu một số nguyên liệu và máy móc thiết bị.

Rủi ro về thuế:

Khác biệt trong việc hiểu và áp dụng quy định về thuế tại những địa phương khác nhau gây ra rủi ro vi phạm về thuế, doanh nghiệp có thể bị cơ quan thuế xử phạt trong quá trình hoạt động.

RỦI RO TỪ MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ



Tuân thủ luật pháp là một phần trong văn hóa quản trị của Nhựa Bình Minh và được cụ thể trong từng quy định, thống nhất trong toàn Công ty. Tuy nhiên hệ thống văn bản pháp luật và các văn bản dưới luật thường xuyên thay đổi sẽ dẫn đến những rủi ro vi phạm nếu không am hiểu tường tận các quy định này.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.	44
2. Tổ chức và nhân sự.	46
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	54
4. Tình hình tài chính.	56
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	58
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.	60

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



SỐ LIỆU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2020

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2020	THỰC HIỆN		TỶ LỆ %	
				2020	2019	2020/KH	2020/2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.560	4.700	4.343	103	108
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	110.030	110.574	105.021	100	105
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	582	627	529	113	124
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	465	523	423	113	124



Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài cả năm, tăng trưởng kinh tế của cả nước bị sụt giảm rõ rệt, có thể đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh đạt được như trên là rất tốt. Kết quả này không chỉ dựa vào các lợi thế truyền thống của Công ty như Thương hiệu mạnh, Thị phần lớn, Sản phẩm chất lượng cao, Hệ thống phân phối mạnh, Tài chính khỏe mạnh, mà còn do Công ty đã phát huy và tận dụng được các lợi thế mới xây dựng của mình để vận hành xuất sắc doanh nghiệp hơn thông qua các công cụ tiên tiến như 5S, LEAN, FI, CRM, HRM, SCM,... hướng đến sự chủ động và hiệu quả trong cải tiến công việc, tiết kiệm chi phí, tạo động lực cho nhân viên, làm hài lòng của khách hàng.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:



ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1962
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị

Quá trình công tác :

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật BMP.
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật BMP.
- 1997: Phó Giám đốc BMP.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM.
- 2010-2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: **618.550 cổ phần.**



ÔNG NGUYỄN THANH HẢI

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.

Năm sinh: 1971

Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Năm 1995 - 2000: Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2001 - 2002: Phó Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2002 - 2005: Phó phòng Tổ chức hành chính - BMP.
- Năm 2006 - 2010: Trưởng phòng Nhân sự - BMP.
- Năm 2011 - 2014: Thành viên HĐQT - Giám đốc NBM.
- Năm 2015 - 2016: Trưởng phòng Tiếp thị - BMP.
- Năm 2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **21.600 cổ phần.**

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:



ÔNG NGUYỄN THANH QUAN

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Năm sinh: 1968

Trình độ: Kỹ sư Hóa,

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 - BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 - BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **11.709 cổ phần.**



ÔNG WISIT RECHAIPICHITGOOL

Phó Tổng Giám đốc
Tài chính – Hành chính
Năm sinh: 1961
Quốc tịch: Thailand
Trình độ: Thạc sĩ Khoa học

Quá trình công tác:

- 1988: Chuyên viên phân tích Công ty SCC
- 1994: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất Công ty SFCC
- 1996: Trưởng phòng Kinh doanh – Tiếp thị Công ty SFC
- 1997: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TPC
- 2001: Trưởng phòng bán hàng Công ty TPC
- 2003: Trưởng phòng Kinh doanh ngành ống Công ty NPI
- 2005: TRỢ LÝ Giám đốc Công ty Ricken-Thai
- 2006: Giám đốc Kinh doanh – Tiếp thị Công ty TPC
- 2010: Giám đốc Thương mại Công ty TPC
- 2011: Giám đốc xuất khẩu Công ty SCG
- 2017: TRỢ LÝ Giám đốc Công ty SCG - Viet Nam
- Từ tháng 08/2018: Phó Tổng Giám đốc Tài chính - Hành chính Công ty CP Nhựa Bình Minh

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **0 CỔ PHẦN.**

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:



ÔNG HỒNG LÊ VIỆT

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1966

Trình độ: Cử nhân kinh tế

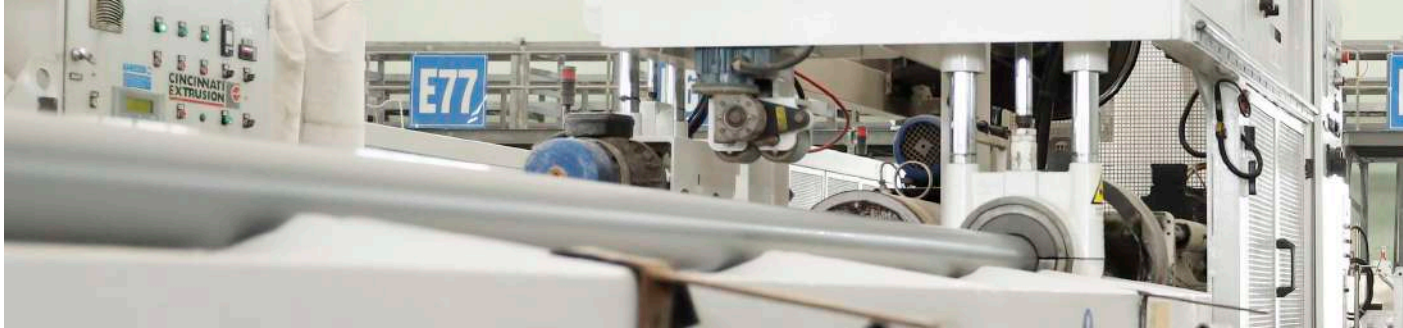
Quá trình công tác :

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2002: Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2006: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM – Thành viên HĐQT NBM.
- 2014 đến 2016: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Thành viên HĐQT NBM.
- 2017 đến nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Giám đốc DPC.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **03 cổ phần.**



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

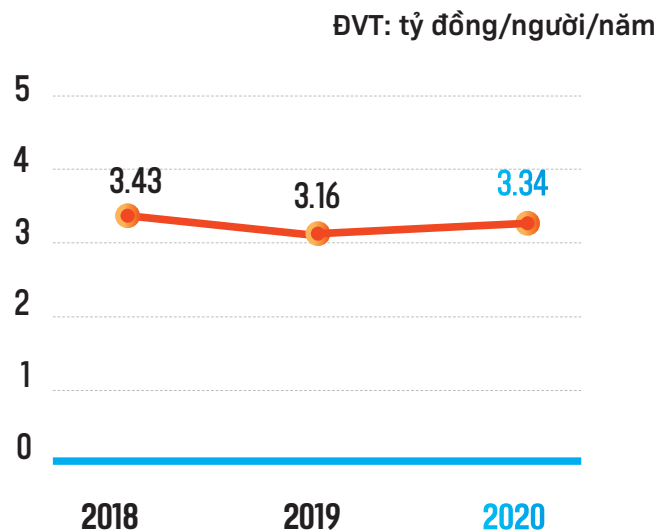


Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động bình quân (chính thức) năm 2019 là: 1.374 người
 Lao động bình quân (chính thức) năm 2020 là: 1.407 người

Năng suất lao động:

BIỂU ĐỒ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN



Năng suất lao động năm 2020 tăng 6% so với 2019, năng suất lao động trong năm được cải thiện rõ rệt nhờ việc áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến 5S, Lean vào trong hoạt động sản xuất. Ngoài tăng năng xuất, các mô hình quản lý này còn góp phần vào việc nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí.

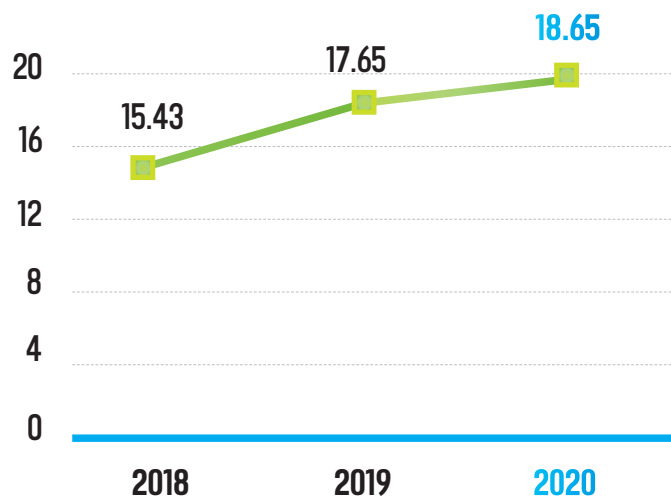


Lương bình quân của người lao động:

Mặc dù năm 2020 là một năm có rất nhiều khó khăn, nhưng công ty vẫn duy trì đầy đủ các chính sách, chế độ phúc lợi và mức tăng trưởng lương cho người lao động, nhằm đảm bảo cuộc sống cho người lao động và sức cạnh tranh trên thị trường lao động.

BIỂU ĐỒ LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng/người/tháng



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

A. ĐẦU TƯ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

Giai đoạn hiện nay, Bình Minh đang tiếp tục đầu tư và vận hành nhà máy hoàn toàn trên dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ Châu Âu. Hệ thống cấp liệu tự động Silo được đưa vào sử dụng tại nhà máy đã giúp rút ngắn thời gian vận hành, tiết kiệm nhân công, chi phí bao bì, giảm hao hụt nguyên liệu trong sản xuất.

S TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2020	THỰC HIỆN	
				E	
A	B	C	D	TỶ ĐỒNG	%
1	MÁY MÓC THIẾT BỊ Bao gồm	Tỷ đồng	210	46	22
A	Các khoản đầu tư từ năm trước chuyển sang năm 2020	Tỷ đồng	44	33	75
b	Kế hoạch đầu tư cho năm 2020 (Bao gồm cả những mục chưa cần ưu tiên)	Tỷ đồng	166	13	10
2	KHUÔN MẪU	Tỷ đồng	28	7	25
TỔNG CỘNG		Tỷ đồng	238	53	23





B. CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM):

S TT	CHỈ TIÊU	NĂM		TỶ LỆ SO SÁNH %
		2020	2019	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	346	324	107%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	67	31	216%

Thị trường Miền Bắc vốn dĩ đã khó khăn nay lại càng khó khăn hơn do ảnh hưởng dịch bệnh. Tuy nhiên, năm 2020, Bình Minh Miền Bắc vẫn đạt được kết quả kinh doanh khả quan với doanh thu tăng 7%, lợi nhuận tăng gấp đôi so với năm 2019. Kết quả này đạt được phần lớn nhờ sự hậu thuẫn từ giá nguyên liệu thấp và hoạt động tài chính mang lại.

Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC):

S TT	CHỈ TIÊU	NĂM		TỶ LỆ SO SÁNH %
		2020	2019	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	67	81	83%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	10,1	7,3	138%

Năm 2020, thị trường Miền Trung nói chung và Đà Nẵng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh, hoạt động kinh doanh bị ngưng trệ, xã hội bị giãn cách. Tuy nhiên Nhựa Đà Nẵng vẫn đạt được kết quả cuối cùng tốt hơn so với năm 2019 là nỗ lực rất lớn từ Ban Điều hành DPC.

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt (BMV):

Hiện công ty đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông để thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

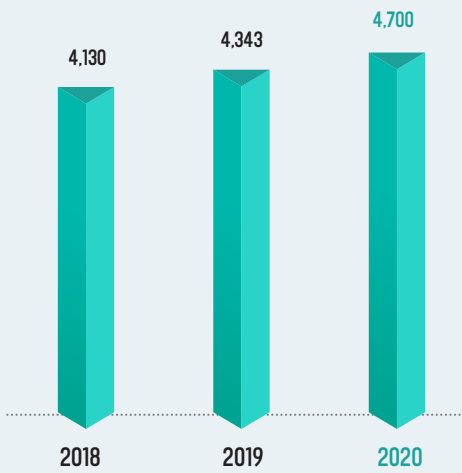
A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	2018	2019	2020
Kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)			
Doanh thu (tỷ đồng)	4.130	4.343	4.700
Doanh thu thuần	3.920	4.337	4.686
Lợi nhuận gộp	872	988	1.247
Chi phí hoạt động	264	387	549
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	608	601	698
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	(80,4)	(73,8)	(45,6)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	0,9	0,7	2,3
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	1,1	1,5	1,7
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	530	529	657
Lợi nhuận sau thuế	428	423	523
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)			
Tổng tài sản (tỷ đồng)	2812	2850	3023
Vốn điều lệ	819	819	819
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	2454	2469	2472
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
Biên lợi nhuận gộp	22,2%	22,8%	26,6%
Biên lợi nhuận trước thuế	13,5%	12,2%	14,0%
ROS	10,9%	9,8%	11,2%
ROA	15,0%	14,9%	17,8%
ROE	17,4%	17,2%	21,2%

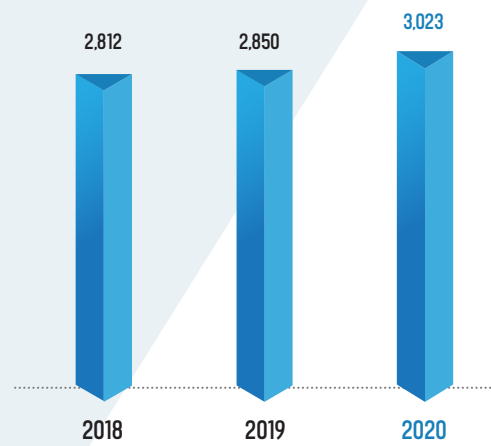


B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

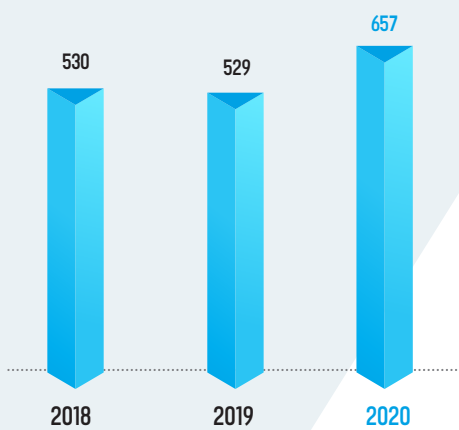
DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



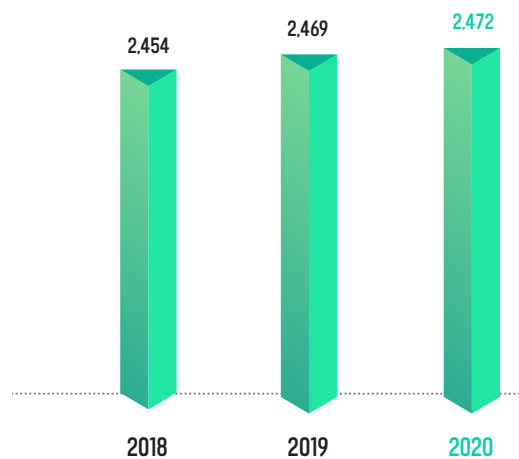
TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

A. CỔ PHẦN

	TẠI 31/12/2019	TẠI 31/12/2020
Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	81.848.968	81.860.938
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	11.970	0





B. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 31/12/2019		THỜI ĐIỂM 31/12/2020	
	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
Cổ đông Nhà nước	19.983	0,024%	19.983	0,024%
Hội đồng Quản trị	618.550	0,756%	618.550	0,756%
Ban Kiểm soát	14.040	0,017%	14.040	0,017%
Cá nhân trong nước	13.885.388	16,962%	12.928.024	15,793%
Tổ chức trong nước	1.432.748	1,751%	1.397.841	1,708%
Cá nhân nước ngoài	635.608	0,776%	918.604	1,122%
Tổ chức nước ngoài	65.254.621	79,714%	65.963.896	80,580%
TỔNG CỘNG	81.860.938	100,00%	81.860.938	100,00%

Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2020:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ
1	KWE BETEILIGUNGEN AG	Tổ chức Nước ngoài	4.283.708	5,233%
2	NAWAPLASTIC INDUSTRIES CO., LTD.	Tổ chức Nước ngoài	44.525.911	54,392%

C. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không có

D. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

E. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1 QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU



a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất chính:

Năm 2020, tổng lượng nguyên vật liệu được toàn Công ty sử dụng là **112.971 tấn**.

Trong đó, BMP sử dụng: **108.597 tấn** và NBM là **4.374 tấn**.

Các loại nguyên liệu chính được sử dụng gồm nhựa PVC, HDPE, PP... được mua từ những nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như: TPC Vina, AGC VN, Borouge, Sabic, Basell... Những nhà sản xuất nguyên liệu này đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001 và quản lý môi trường theo ISO 14001.



b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được sử dụng tái chế để sản xuất sản phẩm:

Các loại sản phẩm Nhựa Bình Minh chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm và sử dụng một tỷ lệ nhỏ nguyên vật liệu tái chế từ phế phẩm trong quá trình sản xuất tại công ty, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài. Điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh.

Toàn bộ sản phẩm Nhựa Bình Minh được sử dụng hoàn toàn hệ phụ gia mới không chứa kim loại nặng, đảm bảo an sức khỏe toàn cho người sử dụng, thân thiện với môi trường.

Tổ chức WRASS (Anh Quốc) đã cấp chứng nhận: Sản phẩm ống Nhựa Bình Minh được sản xuất từ nguyên vật liệu phù hợp cho dẫn nước uống và nước sinh hoạt.



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.2 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

SUẤT ĐIỆN NĂNG
 TIÊU THỤ NĂM
 2020 GIẢM
 CHỈ CÒN:
500,5 KW/
 MỖI TẤN SẢN
 PHẨM, THẤP NHẤT
 TRONG CÁC NĂM
 TỪ 2016-2020

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trực tiếp tại Nhựa Bình Minh trong quá trình sản xuất và kinh doanh dịch vụ là điện năng. Nguồn điện này được mua từ các Công ty Điện lực Quốc Gia.

Công ty không sử dụng nguồn năng lượng gián tiếp.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Với mục tiêu phát triển bền vững, công ty tiếp tục duy trì chính sách môi trường bao gồm các hoạt động cải tiến nhằm tiết kiệm năng lượng, chính sách này đã được mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua với nhiều hiệu quả.

Theo đó, Nhựa Bình Minh đã tiến hành thực hiện và duy trì các hoạt động:

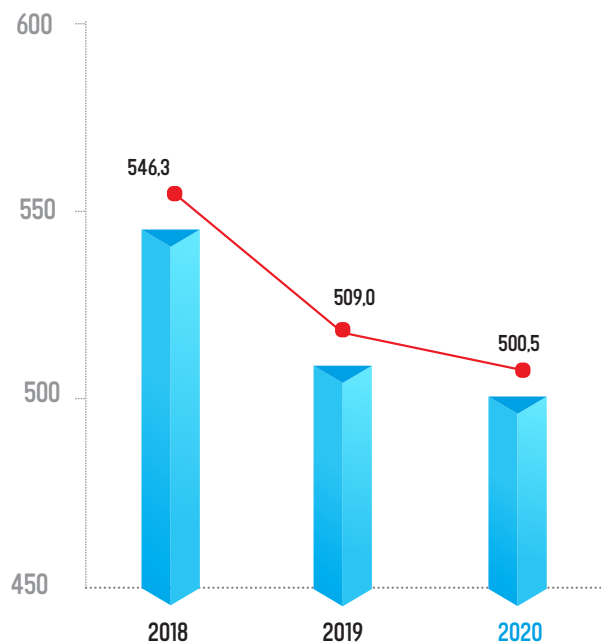
- Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ CBCNV.
- Kiểm toán năng lượng.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải tiến kỹ thuật nhằm tiết kiệm điện như: Lắp biến tần và servo cho động cơ chính của thiết bị sản xuất, lắp bảo ôn cho các thùng làm nguội, kiểm soát máy làm lạnh nước tại các hồ tuần hoàn,....
- Ưu tiên đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ servo tiết kiệm điện.



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

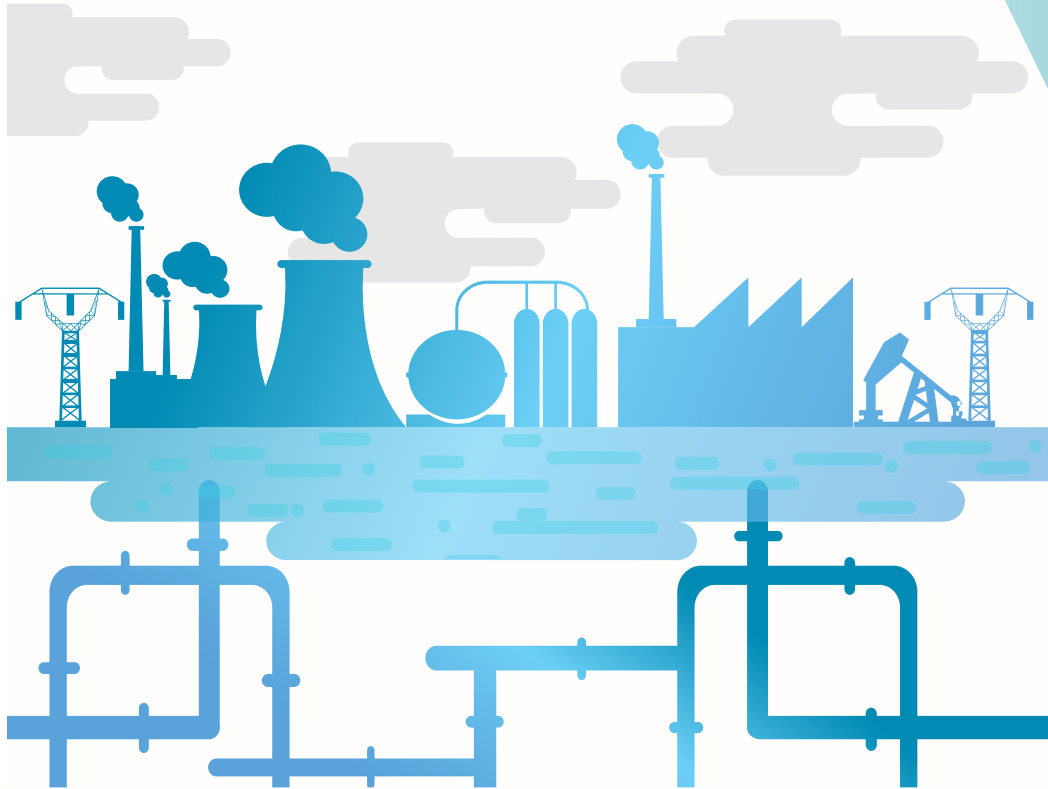
6.2 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Các hoạt động này tiếp tục phát huy tác dụng và duy trì hiệu quả cao. Các kết quả ghi nhận so với những năm trước như sau:



Suất điện năng tiêu thụ năm 2020 giảm chỉ còn: 500,5 KWH cho mỗi tấn sản phẩm, thấp nhất trong các năm từ 2018-2020. Theo đó:

Tỷ lệ giảm đối với suất điện năng tiêu thụ năm 2020 so với 2019:	1,7	%
Lượng điện tiêu thụ năm 2020 tiết giảm được:	945.952	KWH
Đơn giá bình quân năm 2020:	1.783	Đồng/KWH
Tổng tiền tiết kiệm:	1,687	Tỷ đồng



c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2020, công ty đã ghi nhận 07 sáng kiến liên quan đến tiết kiệm năng lượng điện, tất cả các sáng kiến này đã được đưa vào áp dụng và đã góp phần tạo nên hiệu quả tiết giảm lượng điện tiêu thụ như đã nêu ở trên.

d. Các hoạt động liên quan đến sử dụng nguồn năng lượng tái tạo:

Do đặc thù công nghệ sản xuất, nguồn năng lượng tiêu thụ tại công ty chưa thể tái tạo.

Tuy nhiên, công ty cũng đã có các hoạt động nhằm tiết giảm tối đa năng lượng tiêu thụ thông qua các giải pháp cải tiến nhằm tối ưu lượng điện tiêu thụ.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)





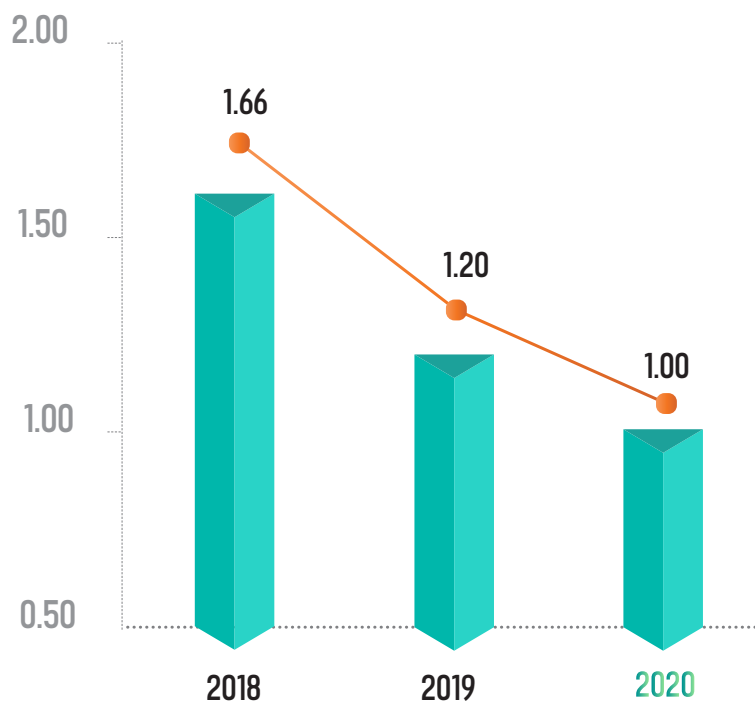
6.3. TIÊU THỤ NƯỚC

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Từ nhiều năm qua, Công ty đã không sử dụng nguồn nước ngầm, chỉ sử dụng hoàn toàn nguồn nước được cung cấp từ các công ty cấp nước như: Sawaco, Biwase, ...

Bên cạnh đó, với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, Nhựa Bình Minh tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm đối đa đối với lượng nước sử dụng.

Năm 2020, các quá trình vận hành sau lắp đặt đã ổn định, giải pháp bảo ôn thiết bị sản xuất và các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm đã mang lại hiệu quả cao và được ghi nhận như sau:



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.3. TIÊU THỤ NƯỚC

Suất nước tiêu thụ năm 2020 giảm chỉ còn: 1,0 m³ cho mỗi tấn sản phẩm, cũng là giá trị thấp nhất trong các năm từ 2016-2020. Theo đó:

Tỷ lệ giảm đối với suất nước tiêu thụ năm 2020 so với 2019:	16,2	%
Lượng nước tiêu thụ năm 2020 tiết giảm tương đương:	21.445	m ³
Đơn giá bình quân năm 2020 tại công ty:	18.850	Đồng/m ³
Tổng tiền tiết kiệm:	404.240.000	Đồng



b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Nguồn nước được công ty sử dụng cho các mục đích:

- Nước dùng cho sinh hoạt: Chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nước sử dụng tại công ty. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ sinh hoạt này được xử lý đáp ứng theo quy định của pháp luật.
- Nước dùng cho sản xuất: Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng nước sử dụng tại công ty. Tuy nhiên, toàn bộ 100% lượng nước thải dùng cho sản xuất này đều được tái sử dụng lại nhằm hạn chế tối đa lượng nước sử dụng.



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.4. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Công ty rất quan tâm đến các hoạt động bảo vệ môi trường, cải thiện môi trường lao động ngày càng tốt hơn và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường.

Công ty đã áp dụng và duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, được Quacert đánh giá giám sát định kỳ và duy trì chứng nhận. Với hệ thống quản lý này, hoạt động kiểm soát các chỉ tiêu môi trường đã đem lại nhiều hiệu quả bên cạnh việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Theo đó: Các hoạt động đo đạc quan trắc môi trường và đo kiểm vi khí hậu môi trường lao động theo quy định pháp luật đều được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền. Tất cả các chỉ tiêu đều có kết quả trong giới hạn cho phép và Công ty đã không có bất kỳ ghi nhận vi phạm liên quan đến các quy định của Luật pháp về bảo vệ môi trường trong năm 2020.

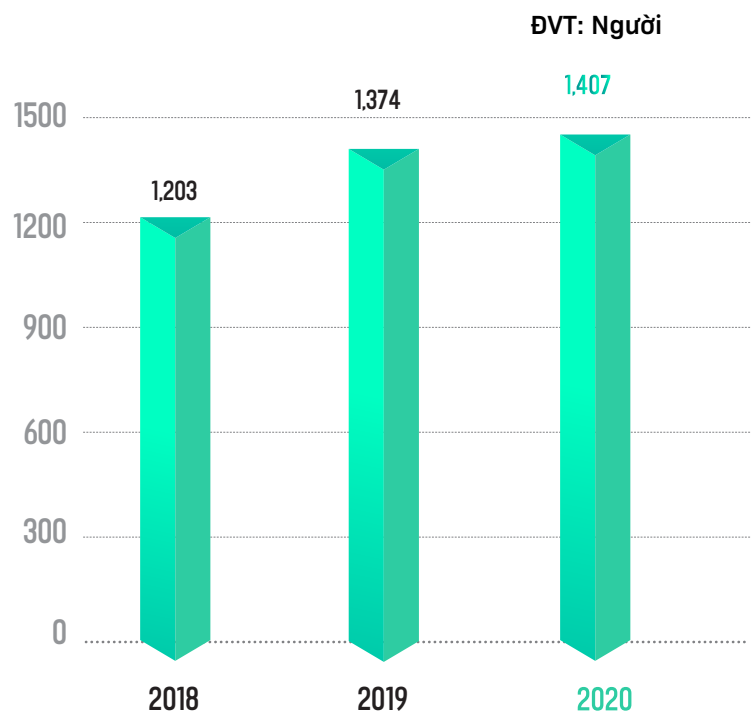




6.5. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG:

a. Số lượng lao động:

BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ TỪ 2016 – 2020



Nhân lực trong năm tăng nhẹ so với những năm trước, đây là kết quả của việc ứng dụng công nghệ hiện đại - Robot vào trong sản xuất giúp sắp xếp bố trí lao động hợp lý do vậy trong năm 2020, Công ty đã có tỷ lệ tăng lao động thấp nhất so với các năm trước.

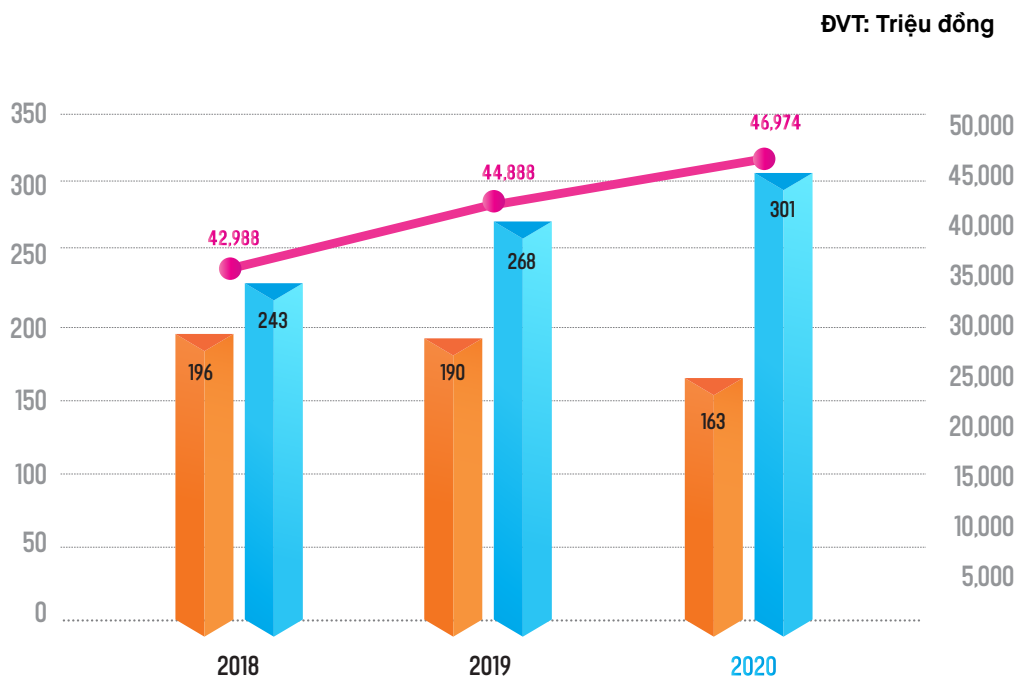


6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.5. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (tt) :

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

BIỂU ĐỒ CHÍ PHÍ THAM GIA BẢO HIỂM



Chất lượng nguồn nhân lực luôn là một trong các chỉ tiêu được ưu tiên hàng đầu trong định hướng phát triển bền vững của Công ty. Để tạo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn nâng cao sức khỏe cho lực lượng lao động, công ty luôn chú trọng các chế độ, chính sách cho người lao động như: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu; Tổ chức bếp ăn tập thể luôn đảm bảo tiêu chí: Dinh dưỡng – An toàn vệ sinh thực phẩm; Thường xuyên đào tạo những kỹ năng, thực hiện trang bị đầy đủ các thiết bị, bảo hộ lao động để đảm bảo An toàn lao động, ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp; Thực hiện và mở rộng các chế độ bồi dưỡng cho nhiều đối tượng hơn so với quy định của luật...

Song song với việc duy trì lực lượng An toàn vệ sinh viên, thực hiện việc kiểm tra an toàn vệ sinh lao động hàng ngày thì Công ty còn triển khai các hoạt động 5S, thành lập thêm bộ phận SHE để thực hiện việc giám sát, tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng,



hàng quý về An toàn, vệ sinh lao động. Hoạt động 5S được đẩy lên trở thành một phong trào thi đua trong toàn Công ty đã làm khơi dậy ý thức trách nhiệm, tự nguyện, tính tự giác của mỗi cá nhân, góp phần cải thiện năng suất lao động cũng như đảm bảo an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động khi thực hiện công việc.

Bên cạnh việc vẫn duy trì các chính sách phúc lợi cho người lao động, Công ty vẫn thường xuyên xem xét điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế. Cụ thể, trong năm 2020 Công ty đã có những chế độ có lợi hơn so với quy định của pháp luật cho người lao động khi nghỉ bởi dịch Covid-19 như: thời gian nghỉ vẫn được hưởng lương, vẫn được xét thưởng...chính vì điều đó đã tạo niềm tin trong lực lượng lao động và giữ người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.5. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (tt):

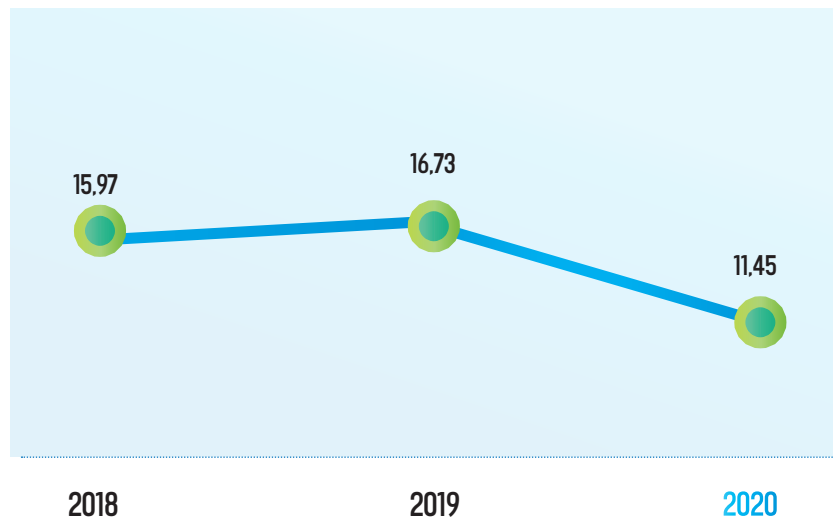




c. Hoạt động đào tạo người lao động:

BIỂU ĐỒ THỜI GIAN ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH

ĐVT: Giờ/Người/Năm



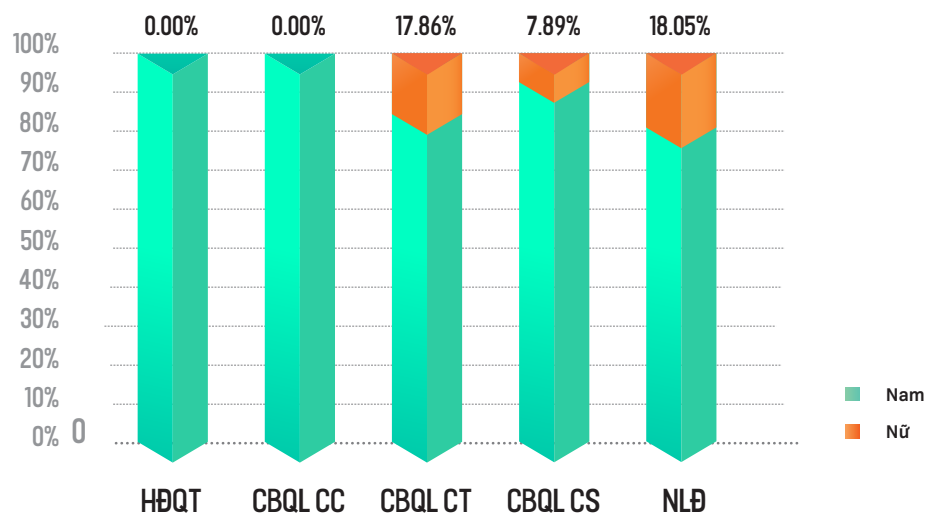
Để cập nhật kiến thức mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, dựa trên kết quả đánh giá và khảo sát từ năm trước hoạt động đào tạo được lập kế hoạch ngay từ đầu năm và luôn được điều chỉnh cho phù hợp trong suốt quá trình thực hiện. Các khóa đào tạo chuyên môn trong và ngoài nước về lĩnh vực cải tiến năng suất đã được thực hiện bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm đảm bảo đội ngũ kỹ thuật được tiếp cận với những thay đổi mới nhất, theo kịp xu hướng sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với những ảnh hưởng nhất định do tình hình dịch bệnh Covid-19, với các chủ trương cách ly, hạn chế tập trung đông người đã làm hạn chế việc tổ chức các khóa đào tạo.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.5. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (tt):

d. Các chính sách liên quan đến bình đẳng giới:

- Số liệu Tỷ lệ giới trong HĐQT, trong Cán bộ quản lý các cấp, trong NLĐ:



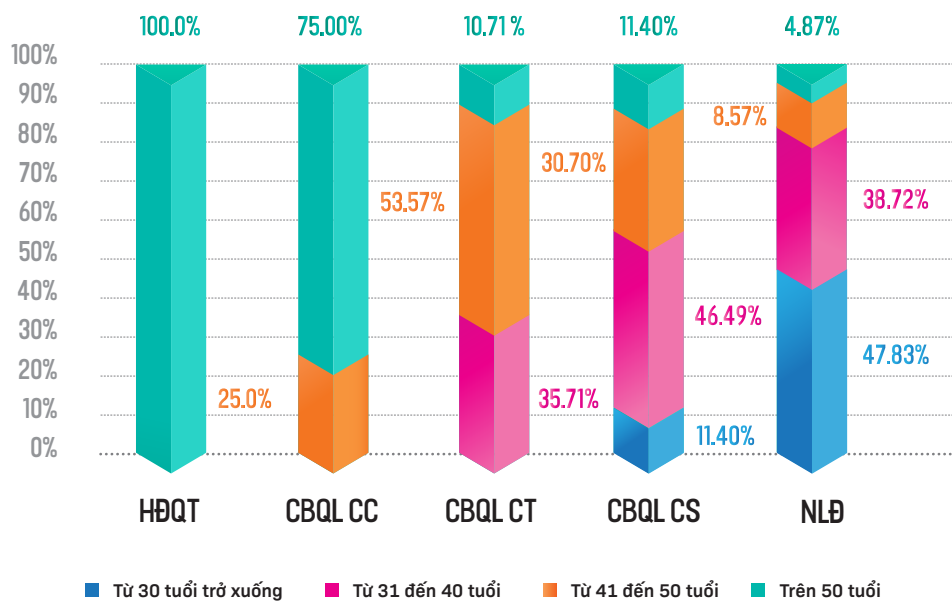
Những năm qua, hệ thống chính sách pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam ngày càng được quan tâm, hoàn thiện với nhiều chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện và tăng cường sự tham gia của nữ giới trong các lĩnh vực.

Nhựa Bình Minh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên tỷ lệ nữ giới khá khiêm tốn trong lực lượng lao động nói chung và quản lý nói riêng, nhưng vấn đề bình đẳng giới luôn được các cấp lãnh đạo đặc biệt chú trọng, được thể hiện qua sự tham gia của nữ giới trong đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung và cấp cơ sở. Đây là kết quả đáng khích lệ trong bình đẳng giới nói chung và gia tăng tỷ lệ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý nói riêng.

Trong thời gian tới, cùng với sự thay đổi độ tuổi nghỉ hưu theo Bộ Luật Lao động 2019 và những định hướng, chính sách rõ ràng và mạnh mẽ hơn của Công ty sẽ tạo điều kiện hỗ trợ và khuyến khích lao động nữ tham gia vào công tác quản lý, lãnh đạo nhằm giảm khoảng cách giới cũng như tạo nguồn cán bộ nữ cho các cấp quản lý cao hơn.



- Số liệu liên quan độ tuổi trong HĐQT, trong Cán bộ quản lý các cấp, trong NLD:



Tỷ lệ độ tuổi lao động tại Công ty được phân bố tương đối hợp lý, lực lượng lao động có độ tuổi từ 30 tuổi trở xuống chiếm đến 47.83% và từ 31 đến 40 tuổi là 38.72% trong khi số lao động trên 50 tuổi chỉ dưới 5%. Đây là “tỷ lệ vàng” trong lực lượng lao động.

Đối với cán bộ quản lý các cấp, độ tuổi thay đổi theo xu hướng tăng tương ứng với mức độ cao của cấp quản lý: trong quản lý cơ sở, độ tuổi từ 31 đến 40 chiếm tỷ lệ khá cao, khoảng 46.49%, trong khi đó cấp trung tỷ lệ này ở mức 35.71%.

Độ tuổi quản lý cấp cao trở lên tương đối lớn, hầu hết là những cán bộ trên 50 tuổi, mặc dù cấp độ quản lý càng cao càng cần sự tích lũy về kinh nghiệm, chuyên môn, khả năng lãnh đạo. Tuy nhiên cũng cần có những chính sách, biện pháp cụ thể để đào tạo kịp thời, tạo nguồn và trẻ hóa đội ngũ.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.5. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (tt):

Các hoạt động, chính sách đảm bảo cải thiện về bình đẳng giới, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng thuộc các nhóm số ít, yếu thế trong Công ty:

Đảm bảo bình đẳng giới không những tạo điều kiện bình đẳng cho cả nam và nữ giúp người lao động phát triển năng lực, tăng năng suất, mà còn duy trì mối quan hệ hài hòa trong lao động từ đó tăng cường khả năng cạnh tranh. Chính vì vậy, trong các chính sách quản lý và phát triển nhân sự, Công ty luôn chú trọng đảm bảo quyền bình đẳng giữa tất cả nhân viên.

- Trong công tác quản lý, lãnh đạo, việc bổ nhiệm, ứng cử và tự đề cử các chức vụ được quy định căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn của mỗi cá nhân, không phân biệt giới tính, vùng miền hay bất kỳ vị trí công việc nào.
- Trong công tác tuyển dụng và đào tạo luôn đảm bảo bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng hay lựa chọn các khóa đào tạo phù hợp với chức danh chuyên môn.
- Trong chính sách, phúc lợi khác, giữa lao động nam và nữ đều được đối xử bình đẳng về việc làm, tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

Nếu như lao động nữ được hưởng các quyền lợi như được bố trí các công việc phù hợp và hưởng các chế độ phúc lợi trong thời gian thai sản, nuôi con nhỏ, được tặng quà vào các ngày 8/3, 20/10, tổ chức lớp học Yoga ... thì lao động nam cũng được Công ty cho hưởng các chế độ phúc lợi trong thời gian nghỉ khi vợ sinh con như lao động nữ, tham gia các câu lạc bộ bóng đá, cầu lông...



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.6. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2020 là một năm bị tác động nghiêm trọng trong cả nước từ dịch họa (Covid-19) và thiên tai (các đợt bão lũ liên tiếp tại miền Trung trong tháng 10 & 11). Rất nhiều đồng bào đã rơi vào hoàn cảnh rất khó khăn về kinh tế, y tế, nhà ở, điều kiện sinh hoạt... Là một doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2020, trước những khó khăn của đồng bào, Nhựa Bình Minh phát huy tốt truyền thống về các hoạt động xã hội nhằm chăm lo cộng đồng nói chung và từng hoàn cảnh cá nhân khó khăn cần sự giúp đỡ mà Công ty biết được. Tổng giá trị các công tác xã hội mà Công ty đã thực hiện trong năm đã đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 5,78 tỷ đồng. Trong đó:

- 5,25 tỷ đồng do Công ty trực tiếp đóng góp,
- 0,53 tỷ đồng do vận động Công đoàn và người lao động đóng góp.

Ngoài những hoạt động vì cộng đồng có thể quy ra giá trị tiền ở trên, Công ty còn tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương nơi Công ty có sơ sở trú đóng như: Phối hợp công tác gìn giữ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh khử khuẩn môi trường... Phong trào hiến máu nhân đạo cứu người tiếp tục được duy trì trong suốt 17 năm qua. Trong năm 2020, dù bị ảnh hưởng điều kiện hạn chế về tập trung đông người, nhưng công ty vẫn vận động được 259 lượt người tình nguyện hiến máu.

6.7. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN: Không có.







BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	84
2. Tình hình tài chính.	92
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	96
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.	97
5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán.	99
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.	100

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

THUẬN LỢI:

- ▶ Sức mua của thị trường có bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng không quá nghiêm trọng.
- ▶ Sản phẩm và thương hiệu công ty được tin cậy cao nên duy trì và tăng trưởng thị phần tốt.
- ▶ Công ty tập trung đẩy mạnh công tác hỗ trợ nên Hệ thống phân phối (HTPP) hoạt động ổn định hơn, tình trạng cạnh tranh trong nội bộ HTPP đã giảm bớt.
- ▶ Trong hoàn cảnh khó khăn đội ngũ Người lao động đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, cố gắng cùng công ty vượt qua.
- ▶ Ban điều hành bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra những chính sách, giải pháp đối phó linh hoạt đảm bảo an toàn trong dịch bệnh và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ▶ Giá nguyên liệu ổn định ở mức bình quân thấp trong 3 quý đầu năm.



KHÓ KHĂN:

- ▶ Đại dịch Covid-19 tạo ra tâm lý rất bất ổn và gây ra những ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, đầu tư do những biện pháp phòng chống dịch trong nước và gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.
- ▶ Các đối thủ tiếp tục thực hiện các chương trình giảm giá, khuyến mãi kéo dài cả năm nhằm giữ thị phần, chạy kế hoạch và “lôi kéo” các Nhà phân phối (NPP) lớn của công ty bằng chiết khấu cao.
- ▶ Giá nguyên liệu tăng rất cao vào quý 4/2020.

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

Đã đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như dưới đây:

S TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2020	THỰC HIỆN		TỶ LỆ SO SÁNH %	
				2020	2019	4=2/1	5=2/3
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.560	4.700	4.343	103	108
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	110.030	110.574	105.021	100	105
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	582	657	529	113	124
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	465	523	423	113	124

Năm 2020 là một năm được đánh giá rất khó khăn cho nhiều doanh nghiệp. Nhưng với các chỉ tiêu đạt được như trên, có thể khẳng định Công ty đã đạt một kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh rất tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành. Đó chính là sự thể hiện về năng lực của Ban điều hành và sự cố gắng của toàn thể Người lao động.

1.3. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH KHÁC:

1.3.1. HOẠT ĐỘNG KHỐI KINH DOANH TIẾP THỊ

- ▶ Mặc dù khoảng cách chiết khấu giữa công ty và các đối thủ vẫn còn khá xa, nên các Nhà phân phối (NPP) của công ty vẫn mong muốn được tăng thêm chiết khấu để cạnh tranh tốt hơn nhưng việc Công ty điều chỉnh chính sách kinh doanh có lợi hơn cho NPP cũng như thực hiện những giải pháp linh hoạt đã tạo điều kiện cho các NPP nâng cao năng lực cạnh tranh với hệ thống phân phối của các đối thủ.
- ▶ Khối kinh doanh tiếp thị đã tăng cường việc chăm sóc, giám sát, đánh giá và phát triển HTPP nên việc tuân thủ quy chế đã tốt hơn, cạnh tranh nội bộ được kiểm soát và từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty thông qua việc Doanh thu và Sản lượng đã tăng trưởng tốt trong năm 2020.
- ▶ Bên cạnh hoạt động phát triển HTPP, chăm sóc khách hàng và xử lý khiếu nại được khách hàng đánh giá cao, phòng Tiếp thị đã tổ chức và tham gia các hoạt động truyền thông tiếp thị với nhiều hình thức phong phú và có hiệu quả.



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.3. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH KHÁC (tt):

1.3.2. HOẠT ĐỘNG KHỐI HỖ TRỢ:

- ▶ Đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh. Quản lý dòng tiền nhân rồi tạo ra lợi nhuận tài chính tốt.
- ▶ Giám sát và thu hồi công nợ khó đòi đạt kết quả tốt. Nợ khó đòi giảm từ 125 tỷ xuống 68 tỷ (trong đó 56 tỷ đã trích lập dự phòng 100% và đang xử lý xóa nợ hoặc bán tài sản thu hồi).
- ▶ Tổ chức hoạt động Hội đồng tín dụng và các Dự án về định giá sản phẩm và xác định sản phẩm giá trị gia tăng cao.
- ▶ Kết hợp với các bên thứ 3 như KPMG, IA SCG thực hiện các đợt đánh giá và kiểm toán trong năm.
- ▶ Hệ thống dữ liệu trên ERP và BI ngày càng hoàn thiện và cung cấp kịp thời, chính xác để phục vụ các yêu cầu quản lý. Thiết lập thêm nhiều báo cáo mới theo yêu cầu quản trị.
- ▶ Đào tạo việc sử dụng dữ liệu ERP cho hỗ trợ việc hoạt động quản lý toàn công ty và các bộ phận. Đặc biệt, đã tích hợp được các số liệu của hệ thống ERP với các công cụ khác như E-Ordering, E-Invoice, CRM, SCM, HR-IT.
- ▶ Áp dụng các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt đảm bảo an toàn cho toàn bộ Người lao động trong đại dịch Covid-19.
- ▶ Dự án HRM-IT: hoàn thành dự án quản lý Nhân sự, có thể nghiệm thu trong Quý 2/2021. Dự án HRM - TIỀN LƯƠNG: đang được đánh giá tác động đến Người lao động (NLD) để đảm bảo:
 - Duy trì mức thu nhập bình quân của Người lao động cao hơn mức bình quân thị trường để có ưu thế cạnh tranh về chất lượng nguồn lực lao động với bên ngoài.
 - Khắc phục tình trạng bất hợp lý do thu nhập của Cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung và nhân sự có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ còn thấp, chưa cạnh tranh với thị trường.

1.3.3. HOẠT ĐỘNG KHỐI KỸ THUẬT SẢN XUẤT & ĐẦU TƯ:

- ▶ Các Nhà máy đảm bảo khai thác tốt thiết bị hiện có và đầu tư mới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về sản lượng và chủng loại hàng hóa. Tiếp tục thực hiện việc phân bổ thiết bị giữa các Nhà máy của Công ty để cân đối sản lượng các Nhà máy, hợp lý hóa hoạt động logistic.



- ▶ Thiết kế mới 120 sản phẩm, đặt chế tạo 120 bộ khuôn mẫu mới. Đưa vào sản xuất 62 bộ khuôn và đưa ra thị trường các sản phẩm mới.
- ▶ Hoàn thành Dự án tự động hóa khâu cấp liệu tại BMBD, triển khai Dự án tự động hóa khâu cấp liệu tại BMLA. Hoạt động tự động hóa được đẩy nhanh và triển khai rộng rãi tại BMSG, đã đưa vào hoạt động 13 tay máy tự động (robot) trên máy ép phun và dự kiến thêm 50 robot trong năm 2021.
- ▶ Kiểm soát tốt chất lượng hàng hóa và thực hiện hoạt động tư vấn, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc cho khách hàng.
- ▶ Duy trì hoạt động hệ thống QEMS hiệu quả. Dự án 5S và LEAN tại tất cả các Nhà máy đã được triển khai tích cực và nhận được đánh giá rất cao của đơn vị tư vấn, giám sát. Triển khai Dự án chứng nhận Phòng thử nghiệm VILAS.
- ▶ Công tác Vệ sinh và An toàn lao động đã có bộ phận chuyên trách và việc kiểm soát hiện trường, tuân thủ đã được thực hiện thường xuyên.
- ▶ Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ, tự động hóa thiết bị, tự động hóa qui trình, đa dạng hóa sản phẩm, ổn định chất lượng và tổ chức nhiều hoạt động cải tiến hiện trường để đáp ứng đầy đủ nhu cầu hàng hóa cho thị trường, cắt giảm chi phí và hiện thực hóa các mục tiêu của Công ty.

1.3.4. NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC (NBM)

Năm 2020 định hướng NBM tập trung khai thác thị trường miền Bắc, với 02 giải pháp chính là:

- Sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn phù hợp thị trường miền Bắc,
- Tổ chức lại Hệ thống phân phối làm kênh phân phối chính,

Tuy nhiên, trên thực tế chưa đạt được kết quả như kỳ vọng, kết quả Doanh thu, sản lượng năm 2020 đạt thấp hơn cùng kỳ 2019.

Trong năm đã bổ nhiệm Giám đốc mới và có nhiều biến động về nhân sự.

1.3.5. NHỰA ĐÀ NẴNG (DPC)

- ▶ DPC đang hoạt động như một Tổng kho trung chuyển rất hiệu quả để phân phối sản phẩm của BMP tại khu vực miền Trung. Doanh thu bán hàng năm 2020 qua DPC khoảng 213 tỷ đồng.
- ▶ Đang xây dựng Nhà máy ở Khu công nghiệp Liên Chiểu để thực hiện di dời, dự kiến hoàn thành trong năm 2021.

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.3. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH KHÁC (tt):

1.3.6. CÁC DỰ ÁN:

- ▶ Dự án HRM-IT: dự kiến hoàn thành trong Quý 2/2021.
- ▶ Dự án HRM-Tiền lương: dự kiến hoàn thành trong Quý 2/2021.
- ▶ Dự án LEAN: đang cùng tư vấn IMT triển khai mở rộng tại các Nhà máy.
- ▶ Dự án Quản trị Chuỗi cung ứng (SCM): đang cùng tư vấn NPI triển khai trong toàn công ty.
- ▶ Dự án chứng nhận Phòng thử nghiệm VILAS nâng cao năng lực của Phòng thử nghiệm.
- ▶ Dự án Định giá sản phẩm và xác định sản phẩm có giá trị gia tăng cao đang thực hiện và kết hợp để hỗ trợ dự án SCM.

1.3.7. CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC BMP – NPI

- ▶ Trao đổi các thông tin về hoạt động Kinh doanh, Tiếp thị, Nghiên cứu – Phát triển, Tài chính, Nhân sự, Sản xuất, IT giữa 2 bên.
- ▶ NPI hỗ trợ tổ chức các Hội thảo về phương thức lập kế hoạch theo OGSM. Cử chuyên gia NPI sang hỗ trợ ngắn hạn tại NBM và BMP.
- ▶ Đánh giá thị trường và năng lực sản xuất để phối hợp tiêu thụ sản phẩm của nhau ở thị trường Đông Nam Á.
- ▶ Báo cáo các số liệu để hợp nhất với NPI và SCG.

1.3.8. HOẠT ĐỘNG BAN ĐIỀU HÀNH (BAN TỔNG GIÁM ĐỐC)

Ban điều hành tự đánh giá đã có một năm điều hành hoạt động của Công ty THÀNH CÔNG và HIỆU QUẢ trên cơ sở phối hợp tốt ở tất cả các cấp điều hành trong Công ty.



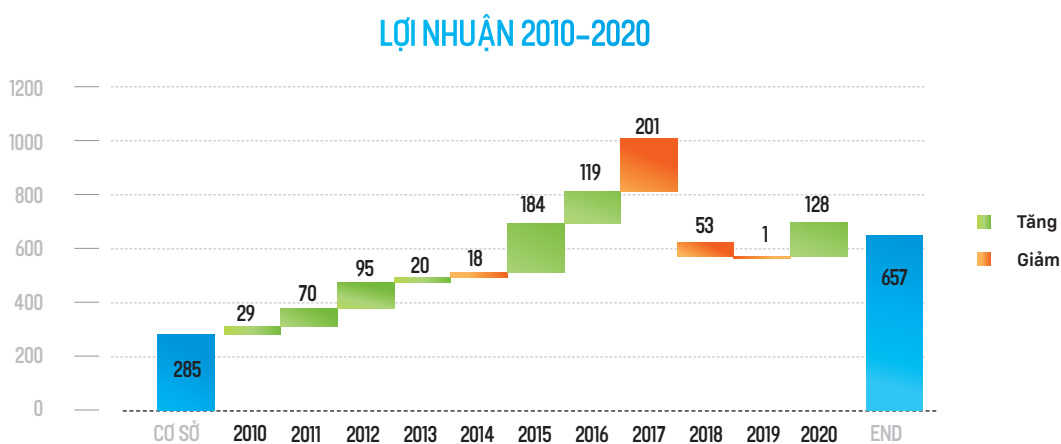
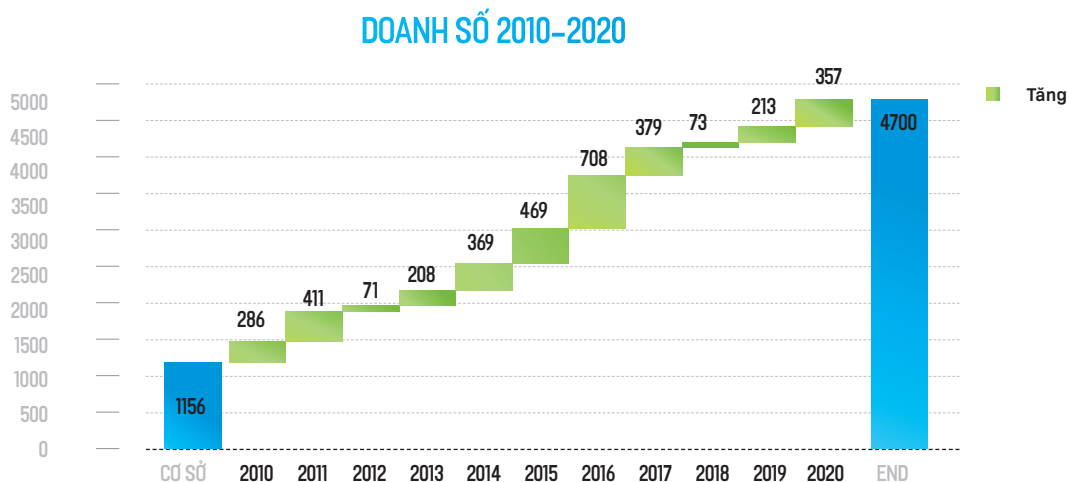
1.3.9. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ NĂM 2020

- ▶ Doanh thu tăng 8%, Sản lượng tăng 5%, Lợi nhuận trước thuế tăng 24% so với năm 2019. Công ty đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh RẤT TỐT trong một năm 2020 rất khó khăn, đặc biệt khi so sánh kết quả với các đối thủ lớn khác. Việc đạt được các tỷ lệ tăng trưởng cao thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của công ty và các yếu tố TÍCH CỰC trên đã đóng góp to lớn vào việc tăng thị phần, khẳng định vị thế dẫn đầu của Công ty trên thị trường.
- ▶ Công ty tiếp tục duy trì vị trí là công ty sản xuất ống và phụ tùng ống nhựa các loại có thị phần lớn nhất tại Việt Nam và đặc biệt là Công ty duy nhất hiện nay sản xuất toàn bộ sản phẩm ống và phụ tùng PVC-U không chứa thành phần kim loại nặng, thân thiện với môi trường và an toàn cho người tiêu dùng.
- ▶ Cho dù “cung” đang vượt rất cao so với “cầu” và các đối thủ đang tiếp tục tranh giành thị phần bằng giảm giá hoặc chiết khấu gây xáo trộn lớn trong thị trường nhưng với chiến lược sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ khách hàng tốt công ty đang duy trì lợi thế cạnh tranh tốt. Chính sách kinh doanh linh hoạt hỗ trợ thêm chi phí bán hàng cho Nhà phân phối để tăng thêm khả năng cạnh tranh với các đối thủ đã có tác dụng rất tốt.
- ▶ Công ty vẫn duy trì và đảm bảo được nguồn nhân lực cho hoạt động công ty, tuy nhiên cần tăng cường bộ máy nhân sự quản lý. Chính sách quan tâm đến lợi ích Người lao động đã tạo sự yên tâm, gắn bó, cống hiến hết mình vì công ty.



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



Nhìn lại chặng đường một thập kỷ đã đi qua, doanh số Nhựa Bình Minh tăng hơn 4 lần, từ 1.156 tỷ lên 4.700 tỷ, lợi nhuận tăng gần 2,3 lần, từ 285 tỷ lên đến 657 tỷ vào cuối năm 2020. Thành quả này có được là sự nỗ lực hết mình của Ban Điều hành, lấy khách hàng làm vị trí trung tâm, luôn thỏa mãn nhu cầu càng cao của khách hàng bằng cách chú trọng nghiên cứu và phát triển sản phẩm theo hướng đa dạng hóa dựa trên năng lực cốt lõi Công ty, phát triển dịch vụ sau bán hàng... Từng ngày,

Bình Minh từng bước giành lấy thị phần từ tay các đối thủ để trở thành doanh nghiệp đứng đầu, kinh doanh hiệu quả nhất trong ngành vật liệu xây dựng.

Năm 2020, một năm đầy sóng gió của cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do ảnh hưởng của đại dịch Covid. Tuy nhiên, nhờ vào sự hậu thuẫn từ giá nguyên liệu thấp và sự ủng hộ của Khách hàng mà Nhựa Bình Minh không những vượt qua khó khăn mà còn vượt kế hoạch đã đề ra.



Khả năng sinh lời:

CHỈ TIÊU	MÔ TẢ	2018	2019	2020
Lợi nhuận ròng / doanh thu thuần (1)	Tỷ suất lợi nhuận ròng biên	10,9%	9,7%	11,2%
Doanh thu thuần / tổng tài sản bình quân (2)	Hiệu suất sử dụng tài sản	1,4	1,53	1,60
Tổng tài sản bình quân / vốn chủ bình quân (3)	Hệ số đòn bẩy tài chính	1,2	1,15	1,19
ROA = (1)*(2)	Khả năng sinh lời trên tổng tài sản	15,0%	14,9%	17,8%
ROE = ROA* (3)	Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu	17,4%	17,2%	21,2%

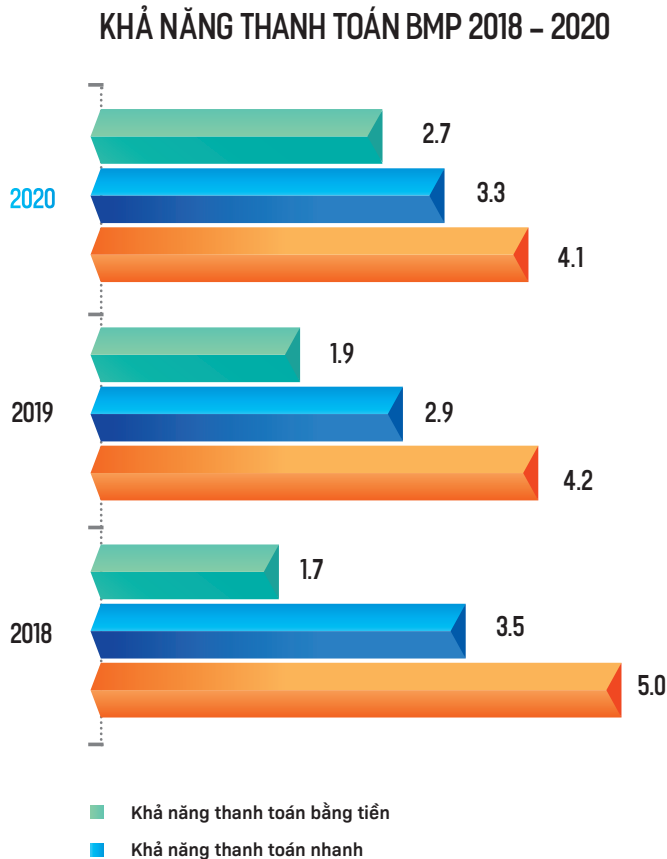
Nguồn: Số liệu hợp nhất BMP đã kiểm toán 2018-2020



Năm 2020, chỉ số sinh lời ROA và ROE đều tăng so với các năm trước chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận ròng biên tăng 1,5%. Kết quả là BMP đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh số và lợi nhuận do Đại hội giao phó. Nhờ vào chi phí giá vốn giảm đã làm cho lãi ròng tăng 24% tương ứng với 523 tỷ đồng nên suất sinh lời trên vốn chủ ROE năm 2020 đạt 21,2%, tăng 4% so với năm trước.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:



Khả năng thanh toán

Điểm nổi bật trong khả năng thanh toán của BMP năm 2020 là khả năng thanh toán bằng tiền 2,7 lần, một đồng nợ ngắn hạn cuối năm 2020 sẽ có 2,7 đồng tiền mặt có tính thanh khoản cao nhất đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ở BMP không những tài sản ngắn hạn luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn ở mức cao mà rủi ro thanh toán hầu như không có.

Nhờ lợi thế này, BMP không những thu về lợi nhuận từ hoạt động tiền gửi mà đã tận dụng được ưu đãi trong dịch vụ thanh toán, ưu đãi trong hoạt động mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ từ nhà cung cấp với chất lượng đảm bảo, giá ưu đãi.

Mặc dù không thể cạnh tranh với chính sách chiết khấu khủng từ các đối thủ nhưng



Bình Minh vẫn tạo được sự khác biệt của riêng mình bằng những cải tiến, ứng dụng những quy trình quản lý hiện đại vào quản trị doanh nghiệp nhằm tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ:

- ▶ Công ty tiếp tục thực hiện dự án cơ cấu lại hệ thống tiền lương theo chuẩn mực và phương thức tiên tiến mang tính thị trường cao để đảm bảo duy trì và thu hút nguồn nhân lực cần thiết cho nhu cầu phát triển trong tương lai.
- ▶ Hệ thống Quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp ERP giúp công ty có thông tin nhanh chóng, đồng nhất, minh bạch, kiểm soát số liệu chính xác và hỗ trợ việc ra quyết định nhanh chóng, linh hoạt. Công ty tiếp tục mở rộng phạm vi của Hệ thống ERP, bổ sung kho dữ liệu thống kê và tăng cường năng lực khai thác, phân tích dữ liệu để hỗ trợ xây dựng các kịch bản kinh doanh, tài chính, sản xuất phù hợp với điều kiện và môi trường kinh doanh đang thay đổi rất nhanh hiện nay.
- ▶ Nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nội bộ thông qua các công cụ như ERP, BI, E-ordering, E-invoice, CRM, SCM, 5S, OPI, LEAN, SHE.
- ▶ Kiểm soát nghiêm ngặt trong việc phòng chống dịch Covid-19 trong toàn công ty và đảm bảo an toàn cho toàn bộ Người lao động.
- ▶ Hoạt động sáng tạo trong công ty phát triển mạnh mẽ, nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa kỹ thuật, nghiệp vụ tạo ra những giá trị tiết kiệm chi phí cao trong toàn công ty.





4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, PHÁT TRIỂN NĂM 2021 VÀ TƯƠNG LAI:

4.1 ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

THUẬN LỢI:

- ▶ Các dự báo vẫn lạc quan cho rằng kinh tế Việt Nam vẫn có cơ hội tăng trưởng ở mức từ 6% - 7% cho năm 2021.

KHÓ KHĂN:

- ▶ **COVID – 19:** đây thật sự vẫn còn là một ẩn số chưa đánh giá hết được tác động, nếu còn tiếp diễn sẽ làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ.

▶ NGUYÊN LIỆU:

- Giá cao: giá bột PVC hiện nay đã tăng 1,9 lần so với giá bình quân 2020 và tăng 2,8 lần so với giá thấp nhất năm 2020.
- Dự báo giá nguyên liệu liên tục bị lạc hậu trong chu kỳ siêu tăng giá trên toàn cầu và trong nhiều lĩnh vực.
- Nguồn cung bị hạn chế do giá cao và chuỗi cung ứng bị đứt gãy nặng nề.

4.2 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT BMG NĂM 2021

S TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KH 2021 / TH 2020		TỶ LỆ SO SÁNH %
			2021	2020	
A	B	C	1	2	3=1/2
1	Doanh thu	Tỷ đồng	5.200	4.700	111
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	115.000	110.574	104
3	Lợi nhuận trước thu	Tỷ đồng	657	657	100
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	523	523	100

4.3 KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021

S TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2021	GHI CHÚ
A	B	C	D	E
1	THIẾT BỊ ƯU TIÊN	Tỷ đồng	268	Bao gồm 5% dự phòng

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, PHÁT TRIỂN NĂM 2021 VÀ TƯƠNG LAI (tt):





4.4 THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ đề Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty là

“CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG - GIỮ VỮNG NGÔI ĐÀU”

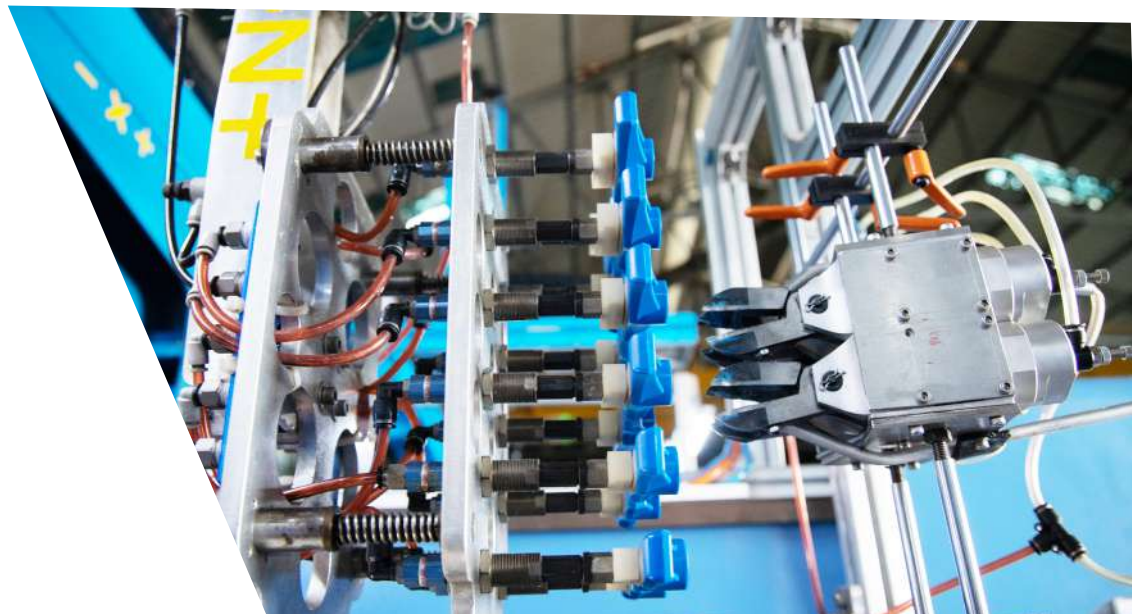
Công ty tự hào nói rằng đã thực hiện thành công xuất sắc cả 2 mục tiêu lớn nêu trên trong những thách thức không lường trước được về dịch bệnh, thiên tai, bất ổn của năm 2019. Kết quả của năm 2020 khẳng định Công ty đã “GIỮ VỮNG NGÔI ĐÀU” và đó là kết quả của sự đồng lòng của tất cả Người lao động trong nỗ lực thực hiện mục tiêu kép vừa AN TOÀN trong phòng chống dịch vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh HIỆU QUẢ.

Ban điều hành kiên định với định hướng quản trị Trung thực, Minh bạch, Công bằng vì mục tiêu cao nhất là quyền lợi chung của NHỰA BÌNH MINH. Công ty đã duy trì sự hoạt động ổn định của công ty, sự đồng thuận của đội ngũ nhân sự, tạo ra hiệu quả cao nhất, hài hòa lợi ích các bên. Bên cạnh đó Ban điều hành cũng tranh thủ tối đa sự ủng hộ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để đã và sẽ

“KHAI THÁC THỂ MẠNH - LINH HOẠT ỨNG PHÓ - VƯỢT LÊN THÁCH THỨC”.

đúng như chủ đề của Báo cáo thường niên năm nay.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có



6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

A. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Với hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, các chỉ tiêu môi trường tại Công ty được kiểm soát chặt chẽ nhằm nâng cao điều kiện làm việc của người lao động và đáp ứng các yêu cầu pháp luật. Một số ghi nhận:

Chất thải: Tất cả các loại chất thải được công ty tổ chức phân loại từ nguồn, do đó thuận lợi trong việc quản lý, chuyển giao cho các đơn vị chuyên ngành và được Nhà nước cấp phép để xử lý. Trong năm 2020, toàn Công ty (bao gồm BMP và NBM) đã phát sinh trong quá trình sản xuất 142 tấn Chất thải nguy hại và tất cả đã được bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Nước thải: 100% nước sử dụng trong hoạt động sản xuất tại Công ty được và tái sử dụng, chỉ có nước thải sinh hoạt của NLĐ. Toàn bộ lượng nước thải này đều được các nhà máy và đơn vị thành viên tổ chức xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thu gom của địa phương hoặc khu công nghiệp.



CÔNG TY:



Khí thải: Các hoạt động sản xuất tại công ty không có phát thải các loại khí có hại, không tác động đến môi trường sinh thái và môi trường lao động.

Bụi: Công ty đã đầu tư các trang thiết bị nhằm hạn chế phát thải bụi và đã phát huy hiệu quả rõ rệt. Các kết quả đo kiểm môi trường vi khí hậu đều thấp (tốt) hơn rất nhiều so với quy định cho phép của pháp luật hiện tại.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

B. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Một doanh nghiệp phát triển bền vững là một doanh nghiệp có khả năng phục hồi cao hơn và có trách nhiệm với xã hội. Chính vì vậy trách nhiệm xã hội liên quan đến người lao động được coi là một yếu tố quan trọng trong chiến lược của Công ty.





CÔNG TY:

Công ty tuyệt đối tuân thủ những quy định của luật liên quan đến người lao động như:

- ▶ **Về sử dụng lao động:** Chỉ tuyển dụng lao động từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo hay vùng miền.
- ▶ **Về chế độ, phúc lợi:** Công ty có quy chế lương, thưởng, phúc lợi rõ ràng, công khai, minh bạch và liên tục cải thiện nhằm đảm bảo phù hợp với thị trường cũng như ổn định cuộc sống của người lao động.
- ▶ **Các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động luôn được tôn trọng**, được thể hiện qua việc Công ty xây dựng Quy chế dân chủ, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế chống quấy rối tình dục.
- ▶ **Sức khỏe – An toàn – Môi trường làm việc:**
 - Tổ chức bộ phận y tế để chăm sóc sức khỏe cho người lao động, luôn đảm bảo thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo đúng quy định, thực hiện việc đo đạc đánh giá tác động môi trường đối với sức khỏe của người lao động...
 - Xây dựng các nội quy, quy chế, thường xuyên đào tạo, hướng dẫn quy trình làm việc nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.
 - Tối ưu hóa quản lý bằng công nghệ thông tin; tổ chức các hoạt động gắn kết như Họp mặt kỷ niệm sinh nhật Công ty, Cuộc thi viết về Công ty, hội thao, du lịch...

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

C. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

Có thể nói, trong năm 2020, mức độ trách nhiệm của Công ty CP Nhựa Bình Minh và toàn thể người lao động đối với cộng đồng đã thể hiện rất rõ ràng và sâu sắc. Không chỉ xét ở giá trị hỗ trợ về vật chất cho cộng đồng cao nhất từ trước đến nay, mà xét ở góc độ hỗ trợ cái gì, hỗ trợ cho ai, hỗ trợ lúc nào hoặc như thế nào... cũng được Công ty cân nhắc cẩn trọng để đưa ra quyết định phù hợp nhất với điều kiện thực tế. Các hoạt động xã hội trong năm của Công ty đã thu hút được sự đồng hành hỗ trợ của tập thể người lao động và cũng tạo động lực bồi đắp thêm niềm tự hào của người lao động khi làm việc tại Nhựa Bình Minh.

Bên cạnh đó, tuy các hoạt động xã hội của Công ty ban đầu không xuất phát từ mục đích nhằm xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Nhựa Bình Minh, nhưng trên thực tế, điều này lại góp phần hỗ trợ tích cực trong kết quả kinh doanh rất tốt của Công ty năm 2020. Có thể xem đó là phần thưởng xứng đáng cho một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng.





NG TY:



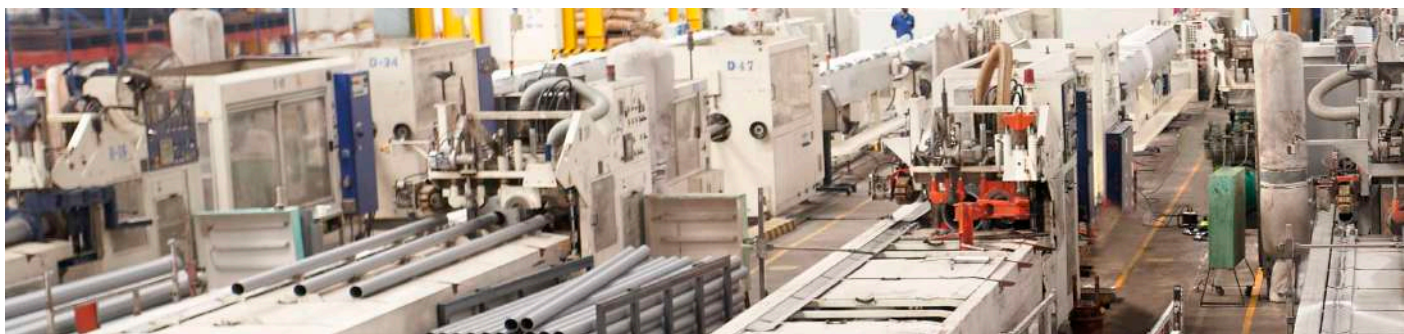


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



- | | |
|---|-----|
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty. | 108 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị. | 109 |
| 3. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. | 110 |
| 4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Điều hành. | 111 |
| 5. Định hướng của Hội đồng quản trị về tầm nhìn và chiến lược phát triển. | 112 |

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



CƠ CẤU SỞ HỮU:

Nawaplastic Industries Co. Ltd. (NPI) nắm giữ 54,39% vốn là Cổ đông lớn nhất của Công ty hiện nay. Ngoài ra, nhà đầu tư tổ chức KWE Beteiligung AG đang nắm giữ 5,233%.

HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

- So với kết quả năm 2019, các chỉ tiêu chủ yếu như Doanh thu đạt 4.700 tỷ tăng 8%, Sản lượng đạt 110.754 tấn tăng 5%, Lợi nhuận trước thuế đạt 657 tỷ tăng 24%. Các chỉ tiêu chủ yếu trên đều vượt kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao.
- Đảm bảo tốt lợi ích của cổ đông, Công ty đã thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2020 khoảng 396 tỷ đồng tương đương khoảng 76% Lợi nhuận sau thuế và khoảng 48% Vốn điều lệ.
- Với kết quả như trên, năm 2020 được đánh giá là một năm thành công của công ty trong điều kiện đầy khó khăn của đại dịch Covid-19 và hầu hết các doanh nghiệp cùng ngành đều bị sụt giảm đáng kể sản lượng và doanh thu. So sánh với kết quả năm 2020 của Công ty với các đối thủ lớn cùng ngành, HĐQT đã đánh giá cao hiệu quả hoạt động của công ty, khẳng định Công ty tiếp tục duy trì được vị thế dẫn đầu và đã có sự tăng trưởng tốt về thị phần.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- HĐQT duy trì các hoạt động ổn định và theo đúng yêu cầu của Điều lệ công ty. Do đại dịch Covid-19 nên trong năm 2020, cuộc họp ĐHĐCĐ 2020 được tổ chức vào tháng 6/2020. HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp HĐQT, các cuộc họp của HĐQT là họp trực tuyến nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu và đúng Điều lệ.
- HĐQT thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc (TGD), tuân thủ nguyên tắc quản trị và thực hiện tốt những công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- HĐQT thường xuyên tương tác với Ban kiểm soát và giải quyết kịp thời các đề xuất của Tổng Giám đốc nhằm mục tiêu phát triển công ty.
- HĐQT hỗ trợ triển khai nhiều hoạt động hợp tác giữa NPI và BMP để tạo cơ hội chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản trị, thống nhất hệ thống dữ liệu và hợp tác phát triển.
- Hoạt động các Tiểu ban: HĐQT đã duy trì hoạt động các Tiểu ban giúp việc bao gồm Tiểu ban Quan hệ nhà đầu tư, Tiểu ban Chiến lược phát triển, Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng và Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ. Do điều kiện làm việc của các Trưởng tiểu ban nên các Tiểu ban cũng chưa thật sự đóng vai trò như cơ quan tư vấn hiệu quả cho HĐQT như mong đợi.
- HĐQT vẫn có sự nhất quán với định hướng phát triển chung của Công ty, lấy chất lượng làm yếu tố trung tâm, giữ vững vị trí dẫn đầu của Công ty trong ngành. HĐQT cũng xác định định hướng chiến lược cần hài hòa giữa yêu cầu tăng trưởng thị phần và lợi nhuận, giữa lợi ích của Cổ đông, Khách hàng và Người lao động.
- Đặc biệt, HĐQT xác định chú trọng việc nâng cao sự hài lòng, sự an toàn và chế độ đãi ngộ tốt hơn cho Người lao động, tạo một môi trường làm việc tốt và tạo điều kiện duy trì nguồn nhân lực có chất lượng cho công ty.
- HĐQT đã xem xét hoạt động của công ty thành viên là Nhựa Bình Minh miền Bắc (NBM) và công ty liên kết là Nhựa Đà Nẵng với định hướng ưu tiên nâng cao hiệu quả hoạt động trên thị trường miền Bắc và miền Trung.

3. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- HĐQT đang hoạt động ổn định và hiệu quả. Các Thành viên đều có trách nhiệm với hoạt động của công ty, luôn tích cực tìm hiểu, tranh luận, phản biện về các hoạt động Công ty. HĐQT xem xét cẩn trọng nhưng luôn thể hiện sự ủng hộ các đề xuất, giải pháp của Tổng Giám đốc để tạo điều kiện cho công ty phát triển.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 so với các doanh nghiệp cùng ngành là rất tốt, thể hiện năng lực của Ban điều hành và cố gắng của toàn thể Người lao động. HĐQT đã đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và nỗ lực cao độ của Người lao động góp phần hoàn thành vượt mức các mục tiêu kinh doanh năm 2020. Đồng thời thực hiện đầy đủ các yêu cầu của ĐHCĐ và HĐQT đưa ra trong năm.
- Thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao sự ủng hộ của HĐQT về sự quan tâm đến lợi ích của Người lao động trong công ty. Trong điều kiện công ty đang hoạt động có hiệu quả cao, đề nghị HĐQT tiếp tục ủng hộ việc xây dựng chính sách lương, thưởng, đãi ngộ phù hợp với quy mô và vị thế của công ty. Đảm bảo mức thu nhập bình quân cao hơn mức thu nhập của thị trường để duy trì và bổ sung đội ngũ Ban điều hành, Người lao động có năng lực vì mục tiêu phát triển dài hạn và bền vững.
- Vai trò Thành viên HĐQT độc lập được tôn trọng và được phân công phụ trách Tiểu ban Nhân sự- Chính sách – Lương thưởng để có tiếng nói độc lập trong các hoạt động của HĐQT cũng như góp ý trong các vấn đề liên quan đến lãnh vực này của công ty.





4. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

- Đội ngũ Ban điều hành đã tạo được mối quan hệ đoàn kết trong toàn công ty, phát huy được khả năng của mỗi cá nhân và duy trì được tinh thần làm việc tập thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành đã rất linh hoạt, theo sát và nắm vững diễn biến của tình hình thị trường để kịp thời có những chính sách, giải pháp phù hợp đối phó với những thay đổi của môi trường kinh doanh giúp đạt được những kết quả cao trong tất cả các mục tiêu kinh doanh chủ yếu trong năm 2020.
- Bên cạnh việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã tích cực triển khai các dự án lớn, có tầm ảnh hưởng dài hạn và góp phần nâng cao năng lực quản trị làm tiền đề cho phát triển lâu dài.

5. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT VỀ TẦM NHÌN VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Khẳng định năng lực và vị trí dẫn đầu của công ty tại thị trường Việt Nam, linh hoạt chính sách để nâng cao kết quả kinh doanh. Định hướng ưu tiên phát triển thị phần và kết hợp với các công ty cùng trong tập đoàn để giữ vị trí đứng đầu về thị phần trong khu vực Asean.
- Tăng cường khả năng cạnh tranh chung thông qua việc nâng cao trình độ quản trị, áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến kết hợp với việc đầu tư và ứng dụng công nghệ hiện đại. Định hướng xây dựng cơ sở cho một cấu trúc quản trị tiên tiến dựa trên nền tảng SỐ.
- Đẩy nhanh tốc độ phát triển sản phẩm mới và mở rộng thị trường. Tiếp tục điều chỉnh Hệ thống phân phối theo mô hình kinh doanh chủ động để tăng tính chủ động khi xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phát triển thị trường, giao kế hoạch hoặc hoạch định tăng trưởng của Hệ thống phân phối.
- Nâng cao mức độ tự động hóa trong sản xuất, đẩy mạnh các hoạt động cải tiến để tiết kiệm chi phí. Tạo dựng Mô hình quản trị theo chuỗi cung ứng (SCM) toàn diện phù hợp với mô hình kinh doanh thực tế tại BMP nhằm tối ưu hóa nguồn lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản trị công ty.
- Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và nâng cao lợi ích cho Người lao động. Tăng cường chính sách đãi ngộ, giữ chân nhân tài, xây dựng nguồn nhân lực quản lý và lao động chất lượng cao.





QUẢN TRỊ CÔNG TY



- | | |
|---|-----|
| 1. Hội đồng quản trị. | 116 |
| 2. Ban Kiểm soát. | 125 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát. | 132 |

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch	0	0
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	618.550	0,756%
03	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên	0	0
04	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên	0	0
05	Ông Phan Khắc Long	Thành viên độc lập	0	0



ÔNG SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD

Chủ tịch HĐQT

(Thành viên không điều hành)

Năm sinh : 1967

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 2005 : Giám đốc điều hành Công ty Petrochemical – Iran.
- 2009: Giám đốc điều hành Công ty SCG Plastics Ltd. – Thailand.
- 2015: Giám đốc điều hành Công ty SCG Chemicals Co. Ltd – Thailand.
- 2017: Phó Chủ tịch ngành Polyolefin & Vinyl SCG– Thailand.
- 20/04/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Phó chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

(Đã đề cập trong phần giới thiệu Ban điều hành)



ÔNG WISIT RECHAIPICHITGOOL

Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
– Hành chính

(Đã đề cập trong phần giới thiệu Ban điều hành)

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PORAMATE JARNROONGRO

Thành viên HĐQT
(thành viên không điều hành)
Năm sinh: 1963
Trình độ: Thạc sỹ Công nghiệp

Quá trình công tác :

- 2004: Trưởng Phòng Kế hoạch – Mua sắm của Công ty Thai CRT Co., Ltd.
- 2005: Giám đốc điều hành Công ty Siam Forestry Co., Ltd.
- 2008: Giám đốc điều hành Công ty Thai Cane Paper Public Co., Ltd.
- 2010: Giám đốc điều hành Công ty Thai Container Group Co., Ltd.
- 2018-nay: Giám đốc điều hành Công ty Nawaplastic Industries Co., Ltd.



ÔNG PHAN KHẮC LONG

Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh : 1961

Trình độ: Kỹ sư Cơ khí.

Quá trình công tác:

- 1983: Kỹ sư xí nghiệp liên hiệp Cơ khí Giao thông vận tải 2.
- 1990: Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đại Việt Phát.
- 1996: Giám đốc Cty TNHH SX & XD Phan Vũ.
- 2001: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ.
- 2013: Thành viên HĐQT Japan Pile Corporation – Japan.
- 2015: Thành viên HĐQT Asia Pile Holding Corporation (Niêm yết trên Tokyo Stock Exchange).
- 2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ.
- 20/04/2018: Thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Bình Minh.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

B. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	TIỂU BAN	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ
1	NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỞNG	Ông Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập - Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Ngọc Linh	Giám đốc Nhân sự - Phó Tiểu ban
		Bà Nguyễn Chúc Quỳnh	Nhân viên Pháp chế - Thành viên
		Ông Phạm Hải Đăng	Tổ trưởng kho BMBD - Thành viên
2	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc - Trưởng Tiểu ban
		Ông Bông Hoa Việt	Thư ký HĐQT/ Phó Tiểu ban
		Ông Phùng Hữu Luận	Phó Giám đốc Kế toán quản trị - Thành viên
		Bà Vy Thị Hồng Loan	Giám đốc Kinh doanh - Thành viên
		Ông Nguyễn Việt Anh	Phó giám đốc công nghệ - Thành viên
3	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT/ Phó TGD Tài chính - Hành chính - Trưởng Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó TGD Kỹ thuật - Phó Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó TGD Kinh doanh - Thành viên
		Ông Hồng Lê Việt	Giám đốc Tài chính - Thành viên
		Ông Phạm Hoàng Anh	Giám đốc Đầu tư - Nghiên cứu Phát triển Thành viên
4	KIỂM SOÁT RỦI RO	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên Ban Kiểm soát - Phó Tiểu ban
		Ông Lê Anh Huy	Giám đốc Quản trị Hệ thống - Thành viên
		Ông Bùi Văn Hiếu	Giám đốc Quản trị Hệ thống Thông tin - Thành viên
		Ông Nguyễn Tuấn Văn	Nhân viên Đầu tư Xây dựng - Thành viên



C. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ ngày 01/01/2020-31/12/2020, có tổng cộng 7 cuộc họp HĐQT, trong đó, tình hình tham dự của các thành viên như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG DỰ
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	7/7	100%	
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	7/7	100%	
03	Ông Wisit Rechaipichitgool	7/7	100%	
04	Ông Poramate Larnroongroj	7/7	100%	
05	Ông Phan Khắc Long	6/7	86%	Bận công tác

Từ các cuộc họp HĐQT trên, đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định:

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/NQ-BM/HĐQT/2020	25/02/2020	Trao quyền ký các giao dịch tín dụng và nhận thế chấp cho TGD
02	02/NQ-BM/HĐQT/2020	25/02/2020	Thưởng 2019 cho NLD, HĐQT, BKS
03	03/NQ-BM/HĐQT/2020	26/03/2020	Thưởng cho NLD từ năm 2020
04	04/NQ-BM/HĐQT/2020	15/04/2020	Tạm ứng cổ tức lần 2 cho năm 2019
05	05/NQ-BM/HĐQT/2020	08/05/2020	Chốt ngày Đăng ký cuối cùng dự ĐHCĐ 2020
06	06/NQ-BM/HĐQT/2020	24/06/2020	Chốt ngày Đăng ký cuối cùng nhận cổ tức lần 3 cho năm 2019
07	07/NQ-BM/HĐQT/2020	14/09/2020	Tạm ứng cổ tức lần 1 cho năm 2020
08	08/NQ-BM/HĐQT/2020	16/11/2020	Bổ nhiệm lại TGD Nguyễn Hoàng Ngân
09	09/NQ-BM/HĐQT/2020	16/11/2020	Bổ nhiệm lại PTGD Nguyễn Thanh Quan

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/QĐ/HĐQT/2020	24/06/2020	Hệ số tiền lương cho NLD từ 01/01/2020
02	02/QĐ/HĐQT/2020	16/11/2020	Bổ nhiệm lại TGD Nguyễn Hoàng Ngân
03	02/QĐ/HĐQT/2020	16/11/2020	Bổ nhiệm lại PTGD Nguyễn Thanh Quan

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

D. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:

Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia 6/7 buổi họp HĐQT. Với vai trò trực tiếp phụ trách Tiểu ban Nhân sự - Chính sách- Lương thưởng trực thuộc HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp nhiều ý kiến khách quan trong việc đề xuất xây dựng và lựa chọn nhân sự cho các chức danh điều hành cấp cao trong Công ty.

Bên cạnh đó, khi Ban Điều hành tiến hành chương trình tái cơ cấu tổ chức Công ty, Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều ý kiến phản biện, làm rõ, cũng như giải thích, tư vấn cho HĐQT hiểu hơn về bản chất và mục đích của Dự án và cơ chế phân phối tiền lương và thu nhập.

E. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM.

Tất cả các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về Quản trị Kinh doanh và có kinh nghiệm hơn 10 năm trong Quản trị công ty. Trong năm 2020, các thành viên HĐQT chưa bố trí được thời gian tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Tuy nhiên, đã cử Thư ký Công ty và Người phụ trách Quản trị Công ty tham dự 01 chương trình đào tạo DCP7 tại Viện VIOD.





2. BAN KIỂM SOÁT

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:

S TT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	SỐ BUỔI HỌP BKS THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ	GHI CHÚ
01	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng Ban Kiểm soát	0	4/4	100%	Độc lập
02	Ông Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0	4/4	100%	Từ SCG
03	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040	4/4	100%	Người lao động



2. BAN KIỂM SOÁT

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:



ÔNG NGUYỄN THANH THUẬN

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1987

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác :

- 2009: Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank).
- 2012: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2015: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2016: Trưởng phòng hỗ trợ tín dụng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2018: Trưởng phòng tài chính - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia.
- 20/04/2018: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.



ÔNG PRAWEEN WIROTPAN

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1968

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 1991: Kiểm toán viên tại Công ty Siem Cement Puplic Co. Ltd.- Thailand.
- 1998: Trưởng phòng Quản trị Công ty Cementhai Plastic & Product Co.,Ltd - Thailand.
- 2000: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd - Thailand.
- 2002: Trưởng Phòng Nhân sự Công ty Thai Plastic&Chemicals Public Co.,Ltd. -Thailand.
- 2006: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd.
- 2015: Tổng Giám đốc SCG Vietnam.
- 20/04/2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Bình Minh.

2. BAN KIỂM SOÁT (tt)

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:



BÀ NGUYỄN LƯU THÙY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1983
Trình độ: Cử nhân Kế toán,
Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác :

- 2006: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.



B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2020, do tình hình dịch Covid-19 nên BKS chỉ tổ chức được 02 cuộc họp trực tiếp tại Văn phòng Công ty để giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, các quy trình/quy định nội bộ. Đồng thời kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Nội dung cụ thể như sau:

STT	NGÀY	SỐ THÀNH VIÊN THAM GIA	NỘI DUNG CHÍNH
1	24/6/2020	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh năm 2019 và Quý 1/2020. Xem xét Báo cáo tài chính năm 2019 và Quý 1/2020. Xem xét các khuyến nghị của đoàn IA SCG và các giải trình của Công ty nhằm khắc phục/phòng ngừa.
2	30/9/2020	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét, cập nhật kết quả kinh doanh 8 tháng năm 2020. Xem xét Báo cáo tài chính Quý 2/2020. Xem xét tình hình đầu tư 8 tháng năm 2020. Cập nhật và có ý kiến các khuyến nghị của đoàn IA SCG và giải trình của Công ty. Xem xét và có ý kiến về các khuyến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập KPMG trên báo cáo tài chính giữa niên độ 2020.

Bên cạnh đó, BKS cũng tham gia toàn bộ các cuộc họp của HĐQT nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời tham gia ý kiến về những nội dung liên quan đến tài chính kế toán.

2. BAN KIỂM SOÁT (tt)

B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát:

Hoạt động giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020:

- ◆ HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020.
- ◆ Công ty đã đạt kết quả kinh doanh rất tốt trong một năm 2020 đầy khó khăn, cụ thể doanh thu tăng 3% và lợi nhuận tăng 13% so với kế hoạch.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông:

- ◆ BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành.
- + HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành. Trong năm 2020, HĐQT đã tăng thêm số lượng các cuộc họp nhằm bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.
- + Ban Điều hành chủ động và linh hoạt đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp, qua đó giúp nâng cao năng lực cạnh tranh so với các đối thủ. BKS đánh giá cao Ban Điều hành trong việc kiểm soát tốt chi phí, giám sát & thu hồi công nợ hiệu quả và quản lý tốt dòng tiền nhàn rỗi, thông qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- ◆ Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp, ban hành 09 Nghị quyết và 03 Quyết định phù hợp với Điều lệ, bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.
- ◆ Hoạt động của 04 tiểu ban trực thuộc HĐQT được cải thiện và có hiệu quả hơn so với những năm trước, qua đó đã tư vấn được cho HĐQT và Ban điều hành những vấn đề thiết thực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:

- ◆ BKS ghi nhận sự phối hợp của HĐQT và Ban Điều hành. Thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty luôn được cập nhật thường xuyên.
- ◆ Các cuộc họp của BKS luôn được Ban Điều hành tổ chức chu đáo, các tài liệu BKS cần kiểm tra đều được cung cấp đầy đủ và kịp thời, hỗ trợ tốt cho hoạt động giám sát của Ban.

Về thẩm tra Báo cáo tài chính và các hoạt động khác:

- ◆ Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán KPMG.
- ◆ Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- ◆ Công ty thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021:

Năm 2021, BKS sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- ◆ Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- ◆ Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Điều hành.
- ◆ Thẩm tra tính trung thực, minh bạch các Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- ◆ Rà soát và có ý kiến đối với các quy trình/quy định nội bộ.
- ◆ Tư vấn HĐQT, Ban Điều hành các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

A. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH TẠI DOANH NGHIỆP

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THU NHẬP SAU THUẾ
1	Sakchai Patiparnpreechawud	Chủ tịch HĐQT	1.878.343.159
2	Nguyễn Hoàng Ngân	Phó chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc	3.284.268.219
3	Sumphan Luveeraphan	Thành viên HĐQT	141.955.320
4	Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập	1.276.881.632
5	Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT	2.545.504.687
6	Poramate Larnroongroj	Thành viên HĐQT	993.050.574
7	Bông Hoa Việt	Thư ký HĐQT - Trợ lý Tổng giám đốc	1.349.124.605
Cộng HĐQT			9.590.785.037
1	Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng BKS	912.490.773
2	Praween Wirotpan	Thành viên BKS	547.494.464
3	Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS - Chuyên viên quản trị rủi ro & kiểm toán nội bộ	868.367.285
Cộng BKS			868.367.285
1	Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng giám đốc	1.732.795.290
2	Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	1.640.238.024
3	Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng	1.057.341.767
Cộng khác			4.430.375.081
TỔNG CỘNG			14.889.527.403



HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

B. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Giao dịch cổ phiếu của cá nhân

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỈ LỆ SỞ HỮU
			MUA	BÁN		
Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch HĐQT	0			0	0
Nguyễn Hoàng Ngân	PCT.HĐQT/ TGD	618.550			618.550	0,756%
Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	0			0	0
Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên HĐQT	0			0	0
Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập	0			0	0
Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban KS	0			0	0
Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040			14.040	0,017%
Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0			0	0
Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	11.709			11.709	0,014%
Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	21.600			21.600	0,26%
Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng	03			03	0,00%
TỔNG CỘNG		665.899	0	0	665.899	0,8%



HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT (tt)

Giao dịch của Cổ đông sở hữu 5% trở lên:

TỔ CHỨC	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỈ LỆ SỞ HỮU SAU GD
		MUA	BÁN		
Nawaplastic Industries Co., Ltd.	44.525.911			44.525.911	54,39%
Franklin Templeton Investment Funds- Templeton Frontier Markets Fund	4.738.652		1.509.180	3.229.472	3,95%
KWE Beteiligungen AG	3.795.118	488.590		4.283.708	5,23%
TỔNG CỘNG	53.059.681			52.309.091	63,57%



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU

C. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Về những điểm đã làm được:

- ◆ Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường.
- ◆ Dù tình hình dịch bệnh Covid-19 khá khó khăn, Công ty đã linh hoạt điều chỉnh và tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHCĐ 2020 đúng quy định.
- ◆ HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ, nghiêm túc theo quy chế làm việc để đánh giá hoạt động trong kỳ cũng như hoạch định kế hoạch hoạt động cho kỳ tới. Thông qua các kỳ họp đã đưa ra những quyết định kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.
- ◆ Các tiểu ban của HĐQT đã ổn định hoạt động, có đóng góp ý kiến, đề xuất và tư vấn hữu ích cho HĐQT.
- ◆ Kịp thời cập nhật, tìm hiểu các quy định về Quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.

Điểm còn hạn chế:

- ◆ Trong năm 2020 còn có trường hợp chậm công bố thông tin bất thường bị HOSE nhắc nhở.
- ◆ Cơ cấu thành viên của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 được ĐHCĐ năm 2018 gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập là chưa đáp ứng được yêu cầu cần tối thiểu 1/3 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tuy nhiên sang năm 2021, khi Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 có hiệu lực, với Công ty đại chúng có 3 đến 5 thành viên HĐQT thì chỉ cần có tối thiểu 1 thành viên độc lập HĐQT. Như vậy hạn chế này sẽ tự động được khắc phục trong 2021.



HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT (tt)



BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)

Xin xem mục III.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty (trang 100) và mục V. Quản trị công ty (trang 114).







BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1. Ý kiến kiểm toán. 144
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. 148

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103002023

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301464823 ngày 22 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các Giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên
Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên
Ông Phan Khắc Long	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban
Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
Ông Praween Wirotpan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wisit Rechaipichitgool	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
-----------------------	------------------------------------

Trụ sở đăng ký

240 Hậu Giang
Phường 9, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 148 đến trang 198 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Ngân

Tổng Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Sakchai Patiparnpreechavud

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 148 đến trang 198.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00328/1*2-21-2



Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc

Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm
toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.128.869.195.093	1.501.804.754.804
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	195.737.830.491	313.509.353.245
Tiền	111		75.737.830.491	97.509.353.245
Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	216.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.210.000.000.000	376.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.210.000.000.000	376.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322.587.526.693	357.163.197.528
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	256.066.747.734	342.499.031.251
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	70.107.251.275	36.071.031.131
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	10.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	53.226.197.857	40.155.872.112
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(67.302.849.255)	(92.052.916.048)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		490.179.082	490.179.082
Hàng tồn kho	140	11	396.479.953.684	453.880.133.640
Hàng tồn kho	141		397.946.476.726	456.353.482.895
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.466.523.042)	(2.473.349.255)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.063.884.225	1.252.070.391
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	4.063.884.225	1.252.070.391

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		893.876.360.089	1.348.102.393.552
Tài sản cố định	220		497.828.944.252	640.140.613.074
Tài sản cố định hữu hình	221	12	486.576.464.056	621.044.534.979
- Nguyên giá	222		1.809.855.508.408	1.745.318.766.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.323.279.044.352)	(1.124.274.231.466)
Tài sản cố định vô hình	227	13	11.252.480.196	19.096.078.095
- Nguyên giá	228		35.913.685.828	35.106.157.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.661.205.632)	(16.010.079.552)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.553.656.580	27.925.505.552
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	14.553.656.580	27.925.505.552
Đầu tư tài chính dài hạn	250		70.026.350.993	368.743.742.917
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	68.026.350.993	66.743.742.917
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	-	300.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		311.467.408.264	311.292.532.009
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	281.130.520.682	263.745.627.665
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	11.697.166.303	17.881.620.364
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	17	18.639.721.279	29.665.283.980
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.022.745.555.182	2.849.907.148.356

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		551.220.912.521	380.623.569.705
Nợ ngắn hạn	310		527.728.036.413	357.538.491.866
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	150.288.522.992	110.054.807.786
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	26.729.785.320	21.296.618.543
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	38.265.789.302	29.584.830.743
Phải trả người lao động	314		45.517.309.181	55.828.170.644
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	192.506.802.772	59.176.530.049
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	8.163.547.746	4.235.773.078
Vay ngắn hạn	320	23	55.310.000.000	55.770.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	10.946.279.100	21.591.761.023
Nợ dài hạn	330		23.492.876.108	23.085.077.839
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	23.492.876.108	23.085.077.839
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.471.524.642.661	2.469.283.578.651
Vốn chủ sở hữu	410	26	2.471.524.642.661	2.469.283.578.651
Vốn cổ phần	411	27	818.609.380.000	818.609.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		818.609.380.000	818.609.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.157.256.738.050	1.341.071.761.133
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
LNST chưa phân phối	421		449.082.189.911	263.026.102.818
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.981.681.901	3.981.681.901
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		445.100.508.010	259.044.420.917
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.022.745.555.182	2.849.907.148.356

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phùng Hữu Luận
Phó Giám đốc Kế toán Quản trị

Người duyệt:

Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	4.700.439.808.827	4.342.954.953.524
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	14.799.482.422	5.615.542.906
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	4.685.640.326.405	4.337.339.410.618
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	3.438.658.560.035	3.349.334.639.351
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.246.981.766.370	988.004.771.267
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	78.259.660.907	37.121.319.638
Chi phí tài chính	22	34	123.875.152.159	110.971.229.562
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		50.844.435	125.174.350
Phần lãi trong công ty liên kết	24	5(b)	1.672.608.076	1.497.363.565
Chi phí bán hàng	25	35	485.053.580.341	270.352.326.675
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	63.737.864.888	116.704.322.723
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		654.247.437.965	528.595.575.510
Thu nhập khác	31		2.407.627.504	973.387.096
Chi phí khác	32		115.030.214	291.490.058
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.292.597.290	681.897.038
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		656.540.035.255	529.277.472.548
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	127.770.009.264	109.648.608.036
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	38	6.184.454.061	(3.137.432.405)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		522.585.571.930	422.766.296.917
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	6.384	5.164

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phùng Hữu Luận
Phó Giám đốc Kế toán Quản trị

Người duyệt:

Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	656.540.035.255	529.277.472.548
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	208.499.822.335	187.572.488.824
Các khoản dự phòng	03	(24.344.145.777)	36.221.451.839
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(106.552.568)	10.703.926
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(80.017.185.703)	(37.868.576.528)
Chi phí lãi vay	06	50.844.435	125.174.350
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	760.622.817.977	715.338.714.959
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	108.167.504.843	284.887.410.283
Biến động hàng tồn kho	10	69.432.568.870	127.253.822.335
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	175.120.962.736	8.170.189.954
Biến động chi phí trả trước	12	(20.196.706.851)	(17.028.787.957)
		1.093.147.147.575	1.118.621.349.574
Tiền lãi vay đã trả	14	(171.664.569)	(388.775.511)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(121.475.125.396)	(105.917.987.663)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(52.922.111.923)	(48.550.616.827)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	918.578.245.687	963.763.969.573

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Mẫu B 03- DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(96.053.114.754)	(208.549.626.766)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	668.095.202	375.036.366
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.810.000.000.000)	(1.366.000.000.000)
Tiền chi cho vay	23	(10.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	1.306.000.000.000	890.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	51.456.576.463	22.857.073.889
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(557.928.443.089)	(691.317.516.511)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	220.000.000	980.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(680.000.000)	(3.835.187.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(478.067.877.920)	(368.374.221.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(478.527.877.920)	(371.229.408.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(117.878.075.322)	(98.782.954.938)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	313.509.353.245	412.303.012.109
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	106.552.568	(10.703.926)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	195.737.830.491	313.509.353.245

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phùng Hữu Luận
Phó Giám đốc Kế toán Quản trị

Người duyệt:

Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 4 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán BMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước và thiết bị thí nghiệm.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương	Số 7 Đường số 2, khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

Stt	Công ty con	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2020	1/1/2020
1	Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.	Đường D1, khu D, khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100%	100%

Stt	Công ty liên kết	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2020	1/1/2020
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	29,05%	29,05%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	Kinh doanh bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	26%	26%

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 1.409 nhân viên (1/1/2020: 1.388 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua tại ngày mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản, của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty và công ty con cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty và công ty con sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 10 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 8 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 8 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá thuê và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 45 đến 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 7 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 41 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn phản ánh chi phí sửa chữa nhà xưởng và máy móc, được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

(o) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích bổ sung vốn cổ phần trong tương lai.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, và trong một vùng địa lý chính, đó là Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	586.146.585	380.784.813
Tiền gửi ngân hàng	75.151.683.906	97.128.568.432
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	216.000.000.000
	195.737.830.491	313.509.353.245

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 3% đến 4,3% (1/1/2020: 5% đến 5,5%).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Lãi suất năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng	6,2% - 9%
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2020					
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phần chia lãi/(lỗ) lũy kế	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư góp vốn vào:						
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	650.000	29.05%	29.05%	8.125.000.000	5.301.350.993	13.426.350.993
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000
				62.725.000.000	5.301.350.993	68.026.350.993

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	66.743.742.917	65.831.379.352
Phần chia lãi trong công ty liên kết	1.672.608.076	1.497.363.565
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	(390.000.000)	(585.000.000)
Số dư cuối năm	68.026.350.993	66.743.742.917



Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31/12/2020		1/1/2020		
Gía gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Lãi suất năm	Gía gốc VND	Giá trị hợp lý VND
1.210.000.000.000	1.210.000.000.000	7% – 9%	376.000.000.00	376.000.000.00
-	-	10%	300.000.000.000	-

01/01/2019						
Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Gía gốc VND	Phần chia lãi/ (lỗ) lũy kế	Giá trị ghi sổ VND	
650.000	29.05%	29.05%	8.125.000.000	4.018.742.917	12.143.742.917	
5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000	
				62.725.000.000	4.018.742.917	66.743.742.917

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2020 và ngày 1/1/2020				
	Số lượng cổ phần	% sở hữu và quyền biểu quyết	Gía gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (i)	20.000	3%	4.000.000.000	(2.000.000.000)	(*)

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302706634 ngày 16 tháng 9 năm 2002 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 8 tháng 4 năm 2013. Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo, nhựa kỹ thuật, xi mạ trên nhựa, các sản phẩm nhựa chất lượng cao, kích cỡ lớn phục vụ các ngành kinh doanh kỹ thuật, các dự án đầu tư.

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	97.147.720.675	68.396.872.041
Công ty TNHH SXTM Phương Hoàng	32.605.841.390	61.572.688.678
Công ty TNHH Đầu Tư – Tư Vấn – Xây Dựng Thép Mới	9.180.981.436	23.667.461.200
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	-	46.896.846.297
Các khách hàng khác	117.132.204.233	141.965.163.035
	256.066.747.734	342.499.031.251

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Eplas	35.039.747.073	7.722.995.662
Công ty TNHH Công Nghệ Hóa Nhựa Bông Sen	10.624.748.472	4.274.633.177
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Seatecco	-	4.092.304.590
Công ty Itochu J373	-	3.817.618.200
Các nhà cung cấp khác	24.442.755.730	16.163.479.502
	70.107.251.275	36.071.031.131

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cho vay đối với Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng - công ty liên kết	12 tháng	6,5%	10.000.000.000	30.000.000.000

Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.768.331.720	23.157.802.888
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	41.469.559.373	13.955.254.807
Tạm ứng cho nhân viên	842.500.000	945.407.915
Lãi dự thu từ cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng – công ty liên kết	-	857.753.426
Phải thu khác	145.806.764	1.239.653.076
	53.226.197.857	40.155.872.112



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số ngày quá hạn	31/12/2020	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn			
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	-	-
Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới	Từ trên 1 năm đến 2 năm	9.180.981.436	(6.333.117.353)
Các khách hàng khác	Từ trên 1 năm đến 3 năm	6.049.621.460	(5.132.644.549)
Các khách hàng khác Doanh nghiệp	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	-	-
Tư nhân Thanh Tuyết	Trên 5 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành	Trên 5 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)
		71.067.690.249	(67.302.849.255)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	92.052.916.048	81.389.891.303
Trích lập dự phòng trong năm	24.257.770.054	10.663.024.745
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(48.002.887.887)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.004.948.960)	-
Số dư cuối năm	67.302.849.255	92.052.916.048

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị có thể thu hồi VND	1/1/2020			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
-	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	37.760.374.115	(18.331.645.349)	19.428.728.766
2.847.864.083	Từ trên 1 năm đến 2 năm	17.749.857.309	(8.884.262.195)	8.865.595.114
916.976.911	Từ trên 1 năm đến 3 năm	9.003.498.247	(6.570.251.787)	2.433.246.460
-	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	8.098.897.880	(2.429.669.364)	5.669.228.516
-	Trên 5 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-
-	Trên 5 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-
3.764.840.994		128.449.714.904	(92.052.916.048)	36.396.798.856



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		1/1/2020	
	Gía gốc VND	Dự phòng VND	Gía gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	24.960.367.300	-	4.396.173.600	-
Nguyên vật liệu	130.743.004.526	-	176.382.294.221	-
Công cụ và dụng cụ	1.977.309.190	-	2.446.198.848	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.516.172.427	-	39.851.351.176	-
Thành phẩm	179.417.020.007	(704.980.176)	181.930.274.533	(1.649.256.123)
Hàng hóa	29.332.603.276	761.542.866)	51.347.190.517	(824.093.132)
	397.946.476.726	(1.466.523.042)	456.353.482.895	(2.473.349.255)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 3.262 triệu VND thành phẩm và 7.709 triệu VND hàng hóa (1/1/2020: 7.797 triệu VND thành phẩm và 6.437 triệu hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.473.349.255	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	2.473.349.255
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.006.826.213)	-
Số dư cuối năm	1.466.523.042	2.473.349.255



Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	505.085.601.651	1.195.692.848.392	36.716.695.208
Tăng trong năm	2.861.337.842	9.341.137.482	2.514.754.545
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	46.761.537.448	-
Thanh lý	-	(484.545.027)	(375.755.000)
Số dư cuối năm	507.946.939.493	1.251.310.978.295	38.855.694.753
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	262.163.368.612	829.171.797.188	27.485.411.386
Khấu hao trong năm	69.377.806.263	126.488.321.058	3.503.252.694
Thanh lý	-	(437.899.849)	(375.755.000)
Số dư cuối năm	331.541.174.875	955.222.218.397	30.612.909.080
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	242.922.233.039	366.521.051.204	9.231.283.822
Số dư cuối năm	176.405.764.618	296.088.759.898	8.242.785.673

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 682.915 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 610.068 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
7.823.621.194	1.745.318.766.445
3.948.503.193	18.665.733.062
-	46.761.537.448
(30.228.520)	(890.528.547)
11.741.895.867	1.809.855.508.408
5.453.654.280	1.124.274.231.466
479.316.240	199.848.696.255
(30.228.520)	(843.883.369)
5.902.742.000	1.323.279.044.352
2.369.966.914	621.044.534.979
5.839.153.867	486.576.464.056



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.570.664.750	25.535.492.897	35.106.157.647
Tăng trong năm	-	95.210.000	95.210.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	712.318.181	712.318.181
Số dư cuối năm	9.570.664.750	26.343.021.078	35.913.685.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.205.300.125	12.804.779.427	16.010.079.552
Khấu hao trong năm	100.208.780	8.550.917.300	8.651.126.080
Phân loại lại	319.133.036	(319.133.036)	-
Số dư cuối năm	3.624.641.941	21.036.563.691	24.661.205.632
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	6.365.364.625	12.730.713.470	19.096.078.095
Số dư cuối năm	5.946.022.809	5.306.457.387	11.252.480.196

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 10.898 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 425 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	27.925.505.552	13.366.617.816
Tăng trong năm	34.102.006.657	32.694.675.845
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(46.761.537.448)	(15.139.796.109)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(712.318.181)	(2.995.992.000)
Số dư cuối năm	14.553.656.580	27.925.505.552

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản cỡ lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Máy móc và thiết bị	12.189.172.268	26.101.229.177
Phần mềm máy vi tính	2.364.484.312	1.824.276.375
	14.553.656.580	27.925.505.552

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công cụ và dụng cụ	3.530.129.515	1.136.861.000
Chi phí khác	533.754.710	115.209.391
	4.063.884.225	1.252.070.391



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	229.504.537.627	20.515.716.004	13.725.374.034	263.745.627.665
Tăng trong năm	-	51.546.316.033	2.598.528.076	54.144.844.109
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	(23.700.001)	-	(23.700.001)
Phân bổ trong năm	(7.074.446.288)	(22.953.871.928)	(6.707.932.875)	(36.736.251.091)
Số dư cuối năm	222.430.091.339	49.084.460.108	9.615.969.235	281.130.520.682

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Thuế suất	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	11.697.166.303	17.881.620.364

17. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn liên quan đến thiết bị, vật tư, phụ tùng không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	56.271.072.000	60.379.132.000
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	33.517.440.000	32.292.480.000
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Hóa Thịnh	2.253.460.000	-
Các nhà cung cấp khác	58.246.550.992	17.383.195.786
	150.288.522.992	110.054.807.786

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	56.271.072.000	60.379.132.000
Công ty TNHH SCG Performance Chemicals	3.816.548.280	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	1.265.833.177	574.745.777
Công ty TNHH SCG Plastics	455.241.870	-

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 14 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Xây Dựng - Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Lan Thanh	8.171.673.824	2.396.950.968
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tô Minh Liêm	1.156.484.509	3.915.956.754
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tường Vân	7.322.929.855	3.190.826.258
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất - Thương mại và Xây Dựng Hoàn Tuấn Thành	340.393.945	1.380.514.216
Công ty TNHH Trường Minh Hải	2.723.550.441	2.066.342.234
Các khách hàng khác	7.014.752.746	8.346.028.113
	26.729.785.320	21.296.618.543

20. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND
Thuế giá trị gia tăng	9.077.373.767	670.232.067.511
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.468.000.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.631.686.522	127.770.009.264
Thuế thu nhập cá nhân	2.875.770.454	23.871.864.735
Thuế khác	-	1.454.487.898
	29.584.830.743	825.796.430.130

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chiết khấu thanh toán	15.070.908.274	10.294.771.539
Chi phí bán hàng cho hệ thống phân phối	126.755.131.591	35.224.781.131
Chi phí lãi vay	4.113.000	124.933.134
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	2.365.000.000
Tiền thưởng cho nhân viên	46.904.000.000	-
Chi phí quà tặng	-	7.074.420.791
Chi phí vận chuyển	-	1.995.480.454
Chi phí khác	3.634.315.907	2.097.143.000
	192.506.802.772	59.176.530.049

Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
(189.118.320.532)	(478.555.057.346)	11.636.063.399
(2.468.000.722)	-	-
(121.475.125.396)	-	23.926.570.391
(24.044.479.677)	-	2.703.155.512
(1.454.487.898)	-	-
(338.560.414.225)	(478.555.057.346)	38.265.789.302

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	393.273.928	393.273.928
Kinh phí công đoàn	279.425.180	272.721.320
Cổ tức phải trả	350.414.300	350.414.300
Nhận ký quỹ, ký cược	913.233.670	1.173.030.450
Phải trả khác	6.227.200.668	2.046.333.080
	8.163.547.746	4.235.773.078

23. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2020 VND		Biến động trong năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	(Giảm) VND
Vay ngắn hạn	55.770.000.000	55.770.000.000	220.000.000	(680.000.000)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay từ:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt - công ty liên kết (i)	VND	0%	54.600.000.000	54.600.000.000
Các khách hàng khác (ii)	VND	7,15%	710.000.000	1.170.000.000
			55.310.000.000	55.770.000.000

(i) Khoản vay này có kỳ hạn gốc 12 tháng và không được đảm bảo.

(ii) Số dư này liên quan đến khoản tiền đặt cọc nhận được từ các khách hàng phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa được ký giữa Tập đoàn và các khách hàng.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc kết thúc ngày	
	31/12/2020 VND	1/1/2019 VND
Số dư đầu năm	21.591.761.023	31.381.358.850
Trích lập trong năm (Thuyết minh 26)	38.048.967.000	34.484.917.000
Sử dụng trong năm	(48.694.448.923)	(44.274.514.827)
Số dư cuối năm	10.946.279.100	21.591.761.023

31/12/2020
VND

Giá trị ghi sổ
VND

Số có khả năng
trả nợ
VND

55.310.000.000

55.310.000.000

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập cho các nhân viên đủ điều kiện hưởng khoản trợ cấp này của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

26. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	818.609.380.000	1.592.782.700
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Cổ tức năm 2018 (Thuyết minh 28)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-
Tạm ứng cổ tức năm 2019 (Thuyết minh 28)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	818.609.380.000	1.592.782.700
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Cổ tức năm 2019 (Thuyết minh 28)	-	-
Bổ sung lợi nhuận sau thuế từ quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 29)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (Thuyết minh 28)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	818.609.380.000	1.592.782.700

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
1.279.666.344.571	44.983.552.000	308.800.462.463	2.453.652.521.734
-	-	422.766.296.917	422.766.296.917
-	-	(204.652.345.000)	(204.652.345.000)
61.405.416.562	-	(61.405.416.562)	-
-	-	(34.484.917.000)	(34.484.917.000)
-	-	(4.276.102.000)	(4.276.102.000)
-	-	(163.721.876.000)	(163.721.876.000)
1.341.071.761.133	44.983.552.000	263.026.102.818	2.469.283.578.651
-	-	522.585.571.930	522.585.571.930
-	-	(245.582.814.000)	(245.582.814.000)
(183.815.023.083)	-	183.815.023.083	-
-	-	(38.048.967.000)	(38.048.967.000)
-	-	(4.227.663.000)	(4.227.663.000)
-	-	(232.485.063.920)	(232.485.063.920)
1.157.256.738.050	44.983.552.000	449.082.189.911	2.471.524.642.661

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

27. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
The Nawaplastic Industries Co., Ltd.	445.259.110.000	54,4%	445.259.110.000	54,4%
Các cổ đông khác	373.350.270.000	45,6%	373.350.270.000	45,6%
	818.609.380.000	100%	818.609.380.000	100%

Công ty mẹ, The Nawaplastic Industries Co., Ltd., được thành lập tại Thái Lan.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. CỔ TỨC

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 409.305 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 bằng tiền, tương đương 50% vốn điều lệ, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 163.722 triệu VND trong năm 2019.

Theo Nghị quyết số 07/NQ-BM/HDQT ngày 14 tháng 9 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2020 bằng tiền bằng 50% lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2020, tương ứng 2.840 đồng/cổ phiếu, tương đương tổng số cổ tức được tạm ứng là 232.485 triệu VND.

29. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Trong năm 2020, theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 6 năm 2020, quỹ đầu tư phát triển được trích số tiền là 28.815.023.083 VND để bổ sung vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019. Ngoài ra, theo Quyết định số 373/QĐ-NBM/CTCT/2020 ngày 21 tháng 9 năm 2020, Chủ tịch của công ty con quyết định chuyển số tiền 155.000.000.000 VND từ quỹ đầu tư phát triển của công ty con để bổ sung vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (2019: quỹ đầu tư phát triển được trích lập bằng 6% lợi nhuận sau thuế của năm 2018).

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(a) Ngoại tệ**

	Nguyên tệ	31/12/2020		1/1/2020	
		Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	31.446		725.217.018	42.395	977.881.277
THB	93.920		72.600.160	141.480	102.236.278
			797.817.178		1.080.117.555

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	2020 VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp	Không có khả năng thu hồi nợ	2020	335.312.516
Công ty Cổ phần Nước & Môi trường Waco	Không có khả năng thu hồi nợ	2020	262.537.866
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	Không có khả năng thu hồi nợ	2020	236.787.870
Công ty Cổ phần Đại Lợi	Không có khả năng thu hồi nợ	2020	86.542.838
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Không có khả năng thu hồi nợ	2020	68.751.160
Công ty LM Điện nước	Không có khả năng thu hồi nợ	2020	15.016.710
			1.004.948.960

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	14.631.295.262	50.241.722.108

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
• Bán thành phẩm	4.484.458.023.220	4.191.533.082.404
• Bán vật tư, hàng hóa	215.971.208.789	151.404.610.210
• Cung cấp dịch vụ vận chuyển	10.576.818	17.260.910
	4.700.439.808.827	4.342.954.953.524
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	(8.149.146.965)	(3.257.396.998)
• Hàng bán bị trả lại	(6.650.335.457)	(2.358.145.908)
	(14.799.482.422)	(5.615.542.906)
Doanh thu thuần	4.685.640.326.405	4.337.339.410.618

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
• Thành phẩm đã bán	3.226.463.529.433	3.196.762.664.403
• Vật tư, hàng hóa đã bán	213.196.690.264	150.098.625.693
• Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.166.551	-
• Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.006.826.213)	2.473.349.255
	3.438.658.560.035	3.349.334.639.351

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	77.723.127.603	36.025.493.081
Lãi chênh lệch tỷ giá	515.783.387	1.095.826.557
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.749.917	-
	78.259.660.907	37.121.319.638

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	50.844.435	125.174.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá	76.912.293	1.122.860.720
Chiết khấu thanh toán	123.740.754.798	109.723.194.492
Chi phí khác	6.640.633	-
	123.875.152.159	110.971.229.562

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	47.824.492.806	23.031.603.175
Chi phí vật liệu, bao bì	15.667.630.657	6.047.247.260
Chi phí khấu hao	3.598.153.086	2.673.901.886
Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối	318.046.303.365	143.804.820.266
Chi phí vận chuyển	32.626.855.684	48.089.342.544
Chi phí hội nghị khách hàng	27.706.225.249	3.212.670.072
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	7.851.123.690	5.588.710.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.016.453.788	7.545.862.139
Chi phí khác	27.716.342.016	30.358.168.862
	485.053.580.341	270.352.326.675

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	26.509.225.525	52.734.382.348
Chi phí vật liệu quản lý	4.536.723.108	6.463.238.742
Chi phí khấu hao	7.334.803.963	7.514.100.884
Thuế, phí và lệ phí	7.403.072.617	379.810.802
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(23.745.117.833)	10.663.024.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.188.549.050	13.208.399.428
Chi phí khác	25.510.608.458	25.741.365.774
	63.737.864.888	116.704.322.723

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.830.236.704.128	2.731.917.703.196
Chi phí nhân công và nhân viên	336.238.028.968	335.702.823.040
Chi phí khấu hao và phân bổ	208.499.822.335	187.572.488.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.372.167.158	193.202.808.912
Chi phí khác	404.866.206.799	226.223.269.770

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	127.770.009.264	109.648.608.036
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	6.184.454.061	(3.137.432.405)
Chi phí thuế TNDN	133.954.463.325	106.511.175.631

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	656.540.035.255	529.277.472.548
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	131.308.007.051	105.855.494.510
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.980.977.889	955.153.833
Thu nhập không bị tính thuế	(334.521.615)	(299.472.712)
	133.954.463.325	106.511.175.631

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc – công ty con: Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2007 đến năm 2018) và thuế suất thuế thu nhập thông thường cho những năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất ống và phụ tùng ống nhựa các loại uPVC, PE, PP. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2018). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các hoạt động còn lại và các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	522.585.571.930	422.766.296.917
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	522.585.571.930	422.766.296.917

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 3 năm 2020, khoản tiền thưởng cho người lao động cho năm 2020 sẽ trích lập như một khoản chi phí trước thuế thu nhập doanh nghiệp thay vì trích lập từ lợi nhuận sau thuế như các năm trước năm 2020. Theo đó, khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bằng không.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020 Cổ phiếu	2019 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	81.860.938	81.860.938

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.384	5.164

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

40. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng		
Bán hàng hóa	50.869.040	14.265.229.500
Chi phí hoa hồng	6.674.644.151	6.792.271.429
Chi phí thuê kho	1.090.909.091	1.090.909.091
Cho vay	10.000.000.000	30.000.000.000
Thu hồi cho vay	30.000.000.000	-
Chi phí vận chuyển	3.180.770.000	-
Thu nhập lãi	1.602.965.754	857.753.426
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa		
Mua nguyên vật liệu	978.756.200.000	1.069.660.000.000
Công ty TNHH SCG Performance Chemicals		
Mua nguyên vật liệu	39.673.450.880	4.460.278.310
Công ty TNHH SCG Plastics		
Mua nguyên vật liệu	13.077.612.760	3.664.032.244
Công ty TNHH Nawa Intertech		
Mua nguyên vật liệu	-	6.626.857.580
Mua tài sản cố định	1.499.074.882	-
Công ty TNHH Nawaplastic Industries		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.411.275.874	-
Công Ty TNHH Sản xuất Bao Bì Alcamax Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	540.741.500	494.654.280

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Sakchai Patiparnpreechawud	2.347.928.948	1.270.356.468
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	4.757.067.753	3.865.571.440
Ông Wisit Rechaipichitgool	3.615.118.903	2.140.615.906
Ông Poramate Larnroongroj	1.241.313.218	97.228.264
Ông Phan Khắc Long	1.418.757.369	766.213.881



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tt)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng và thù lao	5.889.677.348	5.532.126.987
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	2.698.550.257	1.645.886.095

41. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phùng Hữu Luận
Phó Giám đốc Kế toán Quản trị

Người duyệt:



Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

NHỮNG HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM





CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
☎ (84) 28 3969 0973
📠 (84) 28 3960 6814
www.binhminhplastic.com.vn

